

Số: /CV-BV
V/v Yêu cầu báo giá vật tư y tế,
hoá chất xét nghiệm, hoá chất
khác và sinh phẩm y tế

Đồng Văn, ngày tháng 7 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp vật tư y tế, hoá chất xét nghiệm,
hoá chất khác và sinh phẩm y tế tại Việt Nam.

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ Y tế về việc quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hoá và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập.

Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Văn có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu thuộc dự toán mua sắm vật tư y tế, hoá chất xét nghiệm, hoá chất khác và sinh phẩm y tế năm 2023-2024 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Văn.
Địa chỉ: Tổ 7 thị trấn Đồng Văn, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Ds. Nguyễn Thị Hải Yến Số điện thoại: 0915. 566.752, email: khoaduocbvdy@gmail.com
- Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp hoặc chuyển fax nhanh tại Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Văn, tổ 7 thị trấn Đồng Văn, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ ngày 01 tháng 8 năm 2023 đến 17 giờ ngày 11 tháng 8 năm 2023.
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

- Danh mục vật tư y tế, hoá chất xét nghiệm, hoá chất khác và sinh phẩm y tế năm 2023-2024: *phụ lục đính kèm.*
- Địa điểm cung cấp: Khoa Dược Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Văn, tổ 7 thị trấn Đồng Văn, huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang
- Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 07 ngày kể từ khi có đơn hàng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công TTĐT Sở Y tế;
- Website bệnh viện;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Sấn Văn Cương

CÔNG TY.....

Địa chỉ:

Mã số thuế:

Số điện thoại:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO GIÁ⁽¹⁾

(theo Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ Y tế)

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Văn

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Văn, chúng tôi báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1										
2										
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... (ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày), kể từ ngày ... tháng... năm. ..(ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin yêu cầu báo giá).

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- *Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.*
- *Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.*

...., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Mẫu báo giá
Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế, gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho
trang thiết bị y tế

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi:[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ..[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

PHỤ LỤC I: DANH MỤC HÀNG HOÁ

(Kèm theo công văn yêu cầu báo giá số /CV-BV ngày tháng năm 2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Văn)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
A		Nhóm 1. Băng, dung dịch sát khuẩn, rửa vết thương			
I		Băng			
1	Băng y tế thấm nước	Sợi băng thành dải liền, các thớ băng xếp theo một chiều, không có các thớ băng xếp ngang dọc, băng mịn. Sợi băng cotton 100% hút nước. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; ISO 9001 và tiêu chuẩn cơ sở theo Dược Điển Việt Nam 5 Xuất xứ: CTCP Châu Ngọc Thạch/Việt Nam	Kg	60	
2	Băng y tế	Sản phẩm được sản xuất từ băng xơ thiên nhiên 100% cotton, có độ thấm hút cao- Băng trắng, không mùi, xơ băng mảnh, mềm mại, trắng mịn không có xơ ngoại lai, không lẫn tạp chất, mảnh lá và vỏ hạt. Tấm băng dày mỏng đa dạng đáp ứng yêu cầu của Bệnh viện Không mùi, không vị. Không độc tố và không gây dị ứng. Tốc độ hút nước: ≤ 10 giây Độ ẩm: ≤ 8%; pH: Trung tính; không có tinh bột và Dextrin Đạt tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam. Xuất xứ: Công ty TNHH Anh Phát - Việt Nam	Kg	40	
B		Nhóm 2. Băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương			
I		Băng			

I.1		Băng bột bó, vải lót bó bột, tất lót bó bột các loại, các cỡ			
3	Bông lót bó bột size 10cmx2.7m	Bông lót bó bột được sản xuất từ sợi bông 100% polyester, bông lót bó bột mềm mịn, không thấm nước, có màu trắng đồng đều, không bị đốm màu, bị loang, bẩn. Kích thước: 10cm x 2,7m Xuất xứ: An Lành/ Việt Nam	Cuộn	500	
4	Băng bó Bột cỡ 10cm x 4,6m	Kích thước 10cm x 4.6m. Sản xuất bởi bột thạch cao được pha lỏng bao phủ hoàn toàn gạc thấm. Khả năng thấm nước tốt, đông kết tốt, lớp bột thạch cao sạch sẽ, trơn mịn. Mỗi cuộn được đóng gói riêng biệt trong một túi cách nước. Thời gian đông kết nhanh: khoảng 3-5 phút. Xuất xứ: Anji Sunlight Medical Products Co.,Ltd;Trung Quốc	Cuộn	500	
I.2		Băng chun, băng đàn hồi các loại, các cỡ			
5	Băng thun y tế 2 móc 7,5 cm x 4,5m	Sản phẩm được làm từ sợi cotton se tròn hoặc polyester kết hợp với sợi cao su tự nhiên. Sợi mảnh, mềm, đàn hồi tốt. Dùng để cố định các khớp xương, bong gân.... • Băng màu trắng đến trắng ngà, không lẫn các sợi khác và các tạp chất cứng, vải mềm mịn, có độ đàn hồi cao. Băng thoáng mát, dễ chịu. • Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng. • Có 2 móc cài bằng nhôm hoặc thép không gỉ để cố định băng. Xuất xứ: An Lành/ Việt Nam	Cuộn	300	
6	Băng thun y tế 3 móc 10 cm x 4,5m	Sản phẩm được làm từ sợi cotton se tròn hoặc polyester kết hợp với sợi cao su tự nhiên. Sợi mảnh, mềm, đàn hồi tốt. Dùng để cố định các khớp xương, bong gân.... • Băng màu trắng đến trắng ngà, không lẫn các sợi khác và các tạp chất cứng, vải mềm mịn, có độ đàn hồi cao. Băng thoáng mát, dễ chịu. • Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng. • Có móc cài bằng nhôm hoặc thép không gỉ để cố định băng. Xuất xứ: An Lành/ Việt Nam	Cuộn	200	

I.3		Băng cuộn, băng cá nhân các loại, các cỡ			
7	Băng cuộn 10cm x 5 m	Sản phẩm được dệt bằng sợi bông 100% cotton, không có bụi và sợi lạ. Được tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố Không chứa chất gây dị ứng, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng Sản phẩm tiệt trùng bằng khí EO Gas Xuất xứ: Công ty TNHH Thiết bị y tế Trường Mạnh Bắc Ninh	Cuộn	5.000	
8	Băng cuộn 5cm x 5 m	Kích thước: 5cm x 5m. Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao, không có độc tố. Hai đầu cuộn băng bằng, không lệch, không xơ. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Xuất xứ: An Lành - Việt Nam	Cuộn	10.00 0	
II		Băng dính			
9	Băng dính cuộn vải lụa y tế 2.5cmx5m	Vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate, số sợi 44x19,5 sợi/cm, keo Zinc oxide, lực dính 1,8-5,5 N/cm. Lõi nhựa liền cánh bảo vệ. Nguyên liệu các nước G7. Thái lan - Uργο Healthcare Products Co., Ltd.	Cuộn	2.000	
10	Băng dính cuộn vải lụa y tế 5cmx5m	5cmx5m. Băng vải lụa taffeta màu trắng, Trọng lượng khối phủ 50 – 60g/m². keo oxyd kẽm không dùng dung môi, số sợi 44x18/cm², lực dính 1.8 – 5.5 N/cm. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485:2016; ISO 9001:2015, ISO 14001:2015; Xuất xứ: Tanaphar/ Việt Nam	Cuộn	1.000	
I.4		Gạc, băng gạc điều trị các vết thương			
		Gạc các loại, các cỡ			
11	Gạc hút y tế khổ 1.2m	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có hóa chất tẩy trắng, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Xuất xứ: An Lành/ Việt Nam	Md	10.00 0	

12	Gạc hút y tế	Gạc hút chỉ có sợi bông, không có loại sợi khác. Thời gian chìm trong nước không quá 10s. Chất màu phụ để làm trắng: Phải đạt yêu cầu trong phần phương pháp thử Xuất xứ: Công ty TNHH Thiết bị y tế Trường Mạnh Bắc Ninh	Md	10.00 0	
C		Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế sử dụng trong chăm sóc người bệnh			
I		Bơm tiêm			
I.1		Bơm sử dụng để bơm thức ăn cho người bệnh các loại, các cỡ			
13	Bơm cho ăn 50ml	Bơm tiêm nhựa 50ml, đốc xi lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: Việt Nam - MPV	Cái	1.000	
I.2		Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động các loại, các cỡ			
14	Bơm áp lực các loại, các cỡ	Xilanh 200ml dùng cho máy bơm cân quang Medtron Accutron/ EZEM. Một bộ gồm: 1 xilanh 200ml, 1 dây nối áp lực cao dài 150cm, 1 ống lấy thuốc nhanh chữ J, 1 đầu lấy thuốc. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: Trung Quốc - SCW Medicath	Cái	500	
15	Bơm tiêm 50 ml sử dụng cho bơm tiêm điện	Cỡ bơm: 50ml - Đầu trượt, lệch tâm/ đầu xoắn - Tương thích máy bơm tiêm điện - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, EC Xuất xứ: Kofu Factory of Terumo Corporation/ Nhật Bản	Cái	500	

16	Bơm tiêm 20 ml sử dụng cho bơm tiêm điện	Loại 20ml. Chất liệu: Polypropylen (PP). Ống tiêm không Latex (Latex-Free) và không PVC (PVC-Free). Tiệt trùng bằng tia điện tử. Thân bơm tiêm trong suốt dễ quan sát. Phần đệm bơm tiêm thiết kế an toàn, không Latex, sử dụng chất liệu đàn hồi độ dẻo cao làm giảm rò rỉ thuốc. Miếng đệm kép đảm bảo kín khí, di chuyển nhẹ nhàng và chính xác, tiêm nhẹ và kiểm soát hoàn hảo. Công nghệ Silicon hóa cải tiến giúp tối ưu hóa chuyển động của piston. Xuất xứ: Terumo (Phillipines) Corporation ;Philippines	Cái	500	
17	Bơm tiêm Insulin 1 ml (40UI)	Bơm kim tiêm dùng 1 lần, thể tích 40UI/1ml, có kim 30Gx1/2" (0.3x12mm). đầu kim vát 3 mặt phủ Silicon. Có nút chặn piston. Thể tích chết: 0.5 microL. Vạch chia 1.0 I.U. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE Xuất xứ: Almo-Erzeugnisse Erwin Busch GmbH/Đức	Cái	10.000	
18	Bơm tiêm Insulin 1 ml (40UI)	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Bơm gắn liền kim, dung tích 1ml. Kim các cỡ 27G-31G. - Bơm tiêm có vạch chia cho 100 và 40 đơn vị insulin (100UI và 40UI). - Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, không có độc tố và chất gây sốt. - Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015 Xuất xứ: MPV - Việt Nam	Cái	10.000	
19	Kim tiêm dùng một lần các loại, các cỡ	Kim các số, vĩ dụng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485 Xuất xứ: MPV - Việt Nam	Cái	10.000	
I.3		Bơm tiêm liền kim dùng một lần các loại, các cỡ			
20	Bơm tiêm 1ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml cỡ kim 26Gx1/2"; gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. Bơm tiêm đạt khoảng chết ≤ 0,03 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: MPV - Việt Nam	Cái	100	

21	Bơm tiêm 5ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 5 ml, cỡ kim 23G, 25G sắc nhọn. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: MPV - Việt Nam	Cái	30.00 0	
22	Bơm tiêm sử dụng một lần TANAPHAR 5ml/cc	Thành phần cấu tạo: - Xy lanh: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP, không độc hại, không ảnh hưởng tới sức khỏe. Có vạch chia dung tích rõ ràng. - Pít tông: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP, không độc hại, không ảnh hưởng tới sức khỏe. Có khóa bẻ gãy để hủy chống sử dụng lại. - Gioăng: Nguyên liệu nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, mềm, tạo độ kín khít giữa pít tông với xy lanh, không gây độc, không ảnh hưởng sức khỏe. - Kim: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí, không bị cong vênh trong điều kiện bình thường, không bị oxy hóa; bề mặt kim tiêm nhẵn, bóng; đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh và không có gờ, có nắp chụp bảo vệ. Cỡ kim 25G x 1½", 25G x 5/8", 23G x 1½", 23G x 5/8" và các cỡ khác theo yêu cầu. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) Xuất xứ: Tanaphar/ Việt Nam	Cái	30.00 0	
23	Bơm tiêm 10ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 10 ml, cỡ kim 23G, 25G sắc nhọn. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: Việt Nam - MPV	Cái	50.00 0	
24	Bơm tiêm sử dụng một lần TANAPHAR 10ml/cc	Thành phần cấu tạo: - Xy lanh: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP, không độc hại, không ảnh hưởng tới sức khỏe. Có khóa bẻ gãy để hủy chống sử dụng lại. - Gioăng: Nguyên liệu nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, mềm, tạo độ kín khít giữa pít tông với xy lanh, không gây độc, không ảnh hưởng sức khỏe. - Kim: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí, không bị cong vênh trong điều kiện bình thường, không bị oxy hóa; bề mặt kim tiêm nhẵn, bóng; đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh và không có gờ, có nắp chụp bảo vệ. Cỡ kim 25G x 1½", 25G x 5/8", 23G x 1½", 23G x 5/8" và các cỡ khác theo yêu cầu.	Cái	50.00 0	

		- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) Xuất xứ: Tanaphar/ Việt Nam			
25	Bơm tiêm MPV sử dụng một lần 20ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 20ml, cỡ kim 23G; 25G. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng; Bề mặt gioăng phẳng . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: Việt Nam - MPV	Cái	10.00 0	
26	Bơm tiêm MPV sử dụng một lần 50ml	Bơm tiêm nhựa dùng một lần 50ml, đốc xi lanh nhỏ lắp vừa kim tiêm các số. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: Việt Nam - MPV	Cái	1.000	
I.4		Kim cánh bướm các loại, các cỡ			
27	Kim cánh bướm 23G, 25G	Kim cánh bướm các số, gồm các chi tiết: kim truyền, dây dẫn, đầu nối dây dẫn, nắp đậy đầu nối, nắp chụp kim, cánh bướm. Dây dẫn dài 30cm, được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, độ đàn hồi cao, không gây gập gãy khi bảo quản và sử dụng. Kim được sản xuất từ thép không gỉ, sắc nhọn vát 3 cạnh. Xuất xứ: Việt Nam - MPV	Cái	20.00 0	
28	Kim cánh bướm 23G, 25G	Kim23G(0,6x19mm), 25G(0,5x19mm). Phủ silicon. Dây nối 30cm không vặn xoắn. Không độc, không gây sốt, tiệt trùng EO. Dòng chảy ≥ 1000 ml trong 10 phút (Dịch NaCl 0,9% tại áp suất tĩnh 1 mét). Không rò rỉ nước với 27,5N áp lực trực dọc bên trong ống dây 5s và lực xoắn ít hơn 0,1N.m, góc 90 dưới áp suất thủy lực 300Kpa. Không rò khí với áp suất khí 50Kpa trong ống dây 15s. Không bị bong tách mối nối ở Áp suất tĩnh 15N. Tiêu chuẩn: EC, ISO 13485:2016, Xuất xứ: Van Oostveen Medical B.V Hà Lan	Cái	10.00 0	
I.5		Kim trích máu các loại, các cỡ			
29	Kim trích máu	Chất liệu thép không gỉ. Thân có dập gân tăng cứng. Đầu kim sắc nhọn. Tiệt trùng từng chiếc. Xuất xứ: SteriLance Medical (Suzhou) Inc/ Trung Quốc	Cái	500	

30	Kim lấy máu, lấy thuốc các số	- Kim các cỡ: được làm bằng thép không gỉ mạ Crom hoặc Niken. Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, không gờ, có nắp chụp bảo vệ. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng, không có độc tố và chất gây sốt, không DEHP (có phiếu phân tích chất lượng). Đạt chứng nhận EN ISO 13485: 2016; Xuất xứ: Tanaphar/ Việt Nam	Cái	10.00 0	
I.6		Kim luồng mạch máu các loại, các cỡ			
31	Kim luồng mạch máu các loại, các cỡ	Kim luồng tĩnh mạch có cánh có cổng tiêm thuốc. Kim phủ silicon, mũi kim backcut tạo độ bén tối đa giảm tổn thương da. Catheter làm bằng vật liệu PTFE (Teflon) / FEP/ PUR mềm dẻo tương thích sinh học cao, có 3 dải cản quang bao bọc cho phép theo dõi dưới X-quang, thời gian lưu 72h. Khoang chứa máu làm bằng Polypropylene/Polycarbonate trong suốt giúp người sử dụng dễ dàng thấy máu chảy ra. Cánh làm bằng polypropylene y tế, không độc hại, có thể gấp lại giúp dễ chèn và cố định. Trên cánh có cổng bơm thuốc một chiều. Đường kính (mm) x chiều dài (mm)- tốc độ dòng (ml/phút) tương ứng các cỡ: 2.1 x 45-270 (14G); 1.7x 45-180 (16G); 1.3 x 45-80 (18G); 1.1 x 32-54 (20G); 0.9 x 25-33 (22G); 0.72 x 19- 19 (24G); 0.6 x 19-15 (26G). Đóng gói tiệt trùng EO. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE. Xuất xứ: Ấn Độ - Polybond	Cái	10.00 0	
32	Kim luồng tĩnh mạch an toàn các số 14-26G(Delta Self Safe 2)	Kim luồng tĩnh mạch Deltamed, chất liệu FEP, có 3 vạch cản quang ở thân catheter, có cánh và có cửa bơm thuốc, có khả năng lưu kim được đến 96h. Có đầu bịt bằng nhựa tự bung ra khi rút kim ra khỏi catheter. Được tiệt trùng bằng công nghệ EO. Sử dụng được trong phòng MRI. Các cỡ với các màu khác nhau: 26G x ¾” (ID: 0,64 x 19mm, 19ml/min): màu tím; 24G x ¾” (I.D: 0.74 x 19 mm, 29ml/min): màu vàng; 22G x 1” (I.D: 0.9 x 25 mm, 42ml/min): màu xanh nước biển; 20G x 1- ¼” (I.D: 1,0 x 32 mm, 59ml/min): màu hồng; 18G x 1-¾” (I.D: 1,3 x 45 mm, 96ml/min): màu xanh lá cây; 16G x 1-¾” (I.D: 1.75 x 45 mm, 225ml/min): màu xám; 14G x 1-¾” (I.D: 2.0 x 45 mm, 290ml/min): Màu cam Xuất xứ: Delta Med S.p.A/Ý	Cái	10.00 0	

I.7		Kim tiêm dùng một lần các loại, các cỡ			
33	Kim tiêm nha khoa	Kim G27x0,3x4,5cm; kim sắc bén, tiết trùng.	Cái	200	
I.8		Kim chọc dò, sinh thiết và các loại kim khác			
		Kim chọc, kim chọc dò các loại, các cỡ			
34	Kim chọc dò gây tê tủy sống các cỡ	Kim chọc dò gây tê tủy sống có trục kim và đốc kim chất liệu Polypropylene, đầu nối kim vào đốc kim chất liệu Epoxy resin, Kim và nòng: chất liệu thép không gỉ đặc biệt và được khử trùng theo phương pháp: Ethylene oxide kim được thiết kế nhỏ gọn giúp giảm nguy cơ tổn thương tủy sống có đường kính và chiều dài được thể hiện rõ trên từng sản phẩm: 18GA 3.50 IN: 1,20 mm x 90 mm, 20GA 3.50 IN: 0.90 mm x 90 mm, 22GA 3.50 IN: 0.70 mm x 90 mm, 25GA 3.50 IN: 0.50 mm x 90 mm, 26GA 3.50 IN :0.45 mm x 90 mm, 27GA 3.50 IN: 0.40 mm x 90 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE Xuất xứ: Becton Dickinson S.A., Tây Ban Nha	Cái	100	
35	Kim chọc dò gây tê tủy sống các cỡ	Kim rất sắc: do mũi kim được cắt vát hình dạng kim cương cho phép thâm nhập dễ dàng. Đốc kim trong suốt có phản quang dễ dàng quan sát thấy dịch chảy ra, có đánh dấu mặt vát hướng lên hướng xuống. Có khoảng trống giữa que thông nòng và thành kim Size / Ext. Dia. x Length mm: 18G 1,27 x 89, 20G 0,9 x 89, 22G 0,7 x 89, 25G 0,5 x 89, 27G 0,4 x 89 Xuất xứ: Meditop Corporation/Malaysia	Cái	200	
I.9		Kim châm cứu			

		Kim châm cứu các loại, các cỡ			
36	Kim châm cứu các loại, các cỡ	Kim làm từ thép chuyên dụng, không gỉ, dẫn điện. Thân kim nhỏ và tay cầm chắc chắn. Đường kính kim: 0.14mm, 0.16mm, 0.18mm, 0.20mm, 0.22mm, 0.25mm, 0.26mm, 0.28mm, 0.30mm, 0.32mm, 0.35mm, 0.38mm, 0.45mm, 0.70mm. Chiều dài kim: 13mm (số 1), 25mm (số 2), 30mm (số 3), 40mm (số 4), 50mm (số 5), 60mm (số 6), 70mm - 75mm (số 7). Được đóng vỉ riêng biệt, tiệt trùng bằng ETO. Xuất xứ: Wujiang Jiachen Acupuncture Devices Co., Ltd - TQ	Cái	100.000	
I.10		Dây truyền, dây dẫn			
		Dây dẫn, dây truyền dịch các loại, các cỡ (bao gồm cả chạc nối, bộ phân phối, cổng chia, ống nối đi kèm)			
37	Bộ dây truyền dịch kim cánh bướm các cỡ	Van khoá điều chỉnh, kim chại sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích $\geq 8.5\text{ml}$. Có bầu cao su tiếp thuốc. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây dẫn $\geq 1500\text{mm}$. Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luôn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Có kim hai cánh bướm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: Việt Nam - MPV	Bộ	20.000	
38	Bộ dây truyền dịch kim cánh bướm các cỡ	Van khoá điều chỉnh, kim chại sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích $\geq 8.5\text{ml}$. Có cổng tiếp thuốc chữ Y. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây dẫn $\geq 1500\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và CE. Xuất xứ: Tanaphar/ Việt Nam	Bộ	20.000	
39	Bộ dây truyền dịch kim thường các cỡ	Kim 21Gx1,5, dây dài 150cm. Đầu nối Luer lock. Có màng lọc khí. Lỗ lọc dịch 15-20 μm , bầu đếm giọt 6ml, 20 giọt/ml. Không độc, không gây sốt, cổng tiêm chữ Y. Không rò rỉ với áp suất 50kPa không khí trong bộ truyền 15giây. Mỗi mỗi nối của một bộ truyền không bị bung ra ở lực 15N. Tiêu chuẩn: EC, ISO 13485:2016, CFS có chứng thực Đại sứ quán	Bộ	2.000	

		Xuất xứ: Van Oostveen Medical B.V			
		Dây dẫn, dây truyền máu, truyền chế phẩm máu các loại, các cỡ			
40	Bộ dây truyền máu	Dây dài $\geq 1500\text{mm}$ hoặc điều chỉnh theo yêu cầu, làm từ chất liệu PVC y tế không chứa DEHP, không gây sốt, không độc hại, tiệt trùng bằng khí EO. Kim sắc, các cỡ. Màng lọc ở bầu có kích thước lỗ lọc $200\mu\text{m}$, tốc độ dòng chảy 20 giọt/ml. Đầu khóa vặn xoắn Luer Lock. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016. Xuất xứ: Việt Nam - MPV	Bộ	100	
41	Dây truyền máu	Dây dài 165cm. Kim 21G. Bầu nhỏ giọt có màng lọc khí, có phin lọc máu, lỗ lọc $200\mu\text{m}$, sợi lọc 0,1-0,01mm, lỗ lọc 0,2-0,01mm. Không độc, không gây sốt, tỷ lệ phân hủy máu $<5\%$. Không rò rỉ khi bơm khí ở 100KPa vào bộ dây truyền máu trong 2 phút và khi bơm khí 50KPa vào bộ dây truyền máu trong 15giây. Mỗi nối trên một bộ dây truyền máu không bong ra ở lực 15N. Tiệt trùng khí EO. Tiêu chuẩn: EC, ISO 13485:2016, CFS có chứng thực Đại sứ quán. Xuất xứ: Perfect/ Việt Nam	Bộ	200	
		Dây nối đi kèm dây truyền các loại, các cỡ			
42	Dây nối bơm tiêm điện ECO	Dây nối bơm tiêm điện có khóa kết nối luer lock được làm từ chất liệu PVC y tế trong suốt, không độc tố. Dây nối có chiều dài các cỡ 30cm, 75cm, 140cm, 150cm. Đường kính trong 0,9mm, đường kính ngoài 1,9mm hoặc theo yêu cầu. Tiệt trùng bằng EO, không gây sốt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016. Xuất xứ: Việt Nam - MPV	Cái	1.000	
		Khóa đi kèm dây dẫn, đi kèm hoặc không đi kèm dây truyền được dùng trong truyền dịch, truyền máu, truyền khí các loại, các cỡ			
43	Khóa 3 chạc không dây nối	'Chạc 3 có đầu khóa luer lock, van 1 chiều : chắc chắn không rò rỉ, an toàn. Chất liệu POLYCARBONATE trong suốt, chịu lực tốt, độ bền vững cao, hạn chế nứt vỡ, tương thích khi truyền với dung dịch có chất béo.	Cái	500	

		Chịu áp lực cao 5 bar Thể tích tổn động tối thiểu < 0.20ml bảo đảm tối đa dòng chảy và giảm tối thiểu nhiễu loạn dòng chảy. Tiết trùng EO. Hạn dùng 5 năm. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485-2016. Xuất xứ: Romsons/ Ấn độ			
44	Khóa ba ngã có dây	Khóa ba ngã gồm 2 đầu kết nối có nắp vặn khóa đóng mở được và khóa luer-lock. Có dây nối dài 10cm hoặc 25cm mềm dẻo làm từ nhựa nguyên sinh trong suốt, không chứa độc tố. Chạc ba cóร่อง trơn nhẵn, đảm bảo dòng chảy, góc xoay 360 độ. Khóa không hở, thông tốt, độ nhạy tốt, dễ điều chỉnh. Xuất xứ: Việt Nam - MPV	Cái	100	
I.11		Găng tay			
		Găng tay sử dụng trong thăm khám các loại, các cỡ			
45	Găng cao su các loại, các cỡ (có bột)	Găng tay không bột tan. Chiều rộng cỡ XS: 70±10mm; cỡ S: 80±10mm; cỡ M: 95±10mm, cỡ L: 111±10mm. Chiều dài trung bình 240mm. Độ dày ngón tay tối thiểu 0.08mm. Độ dày lòng bàn tay tối thiểu 0.08mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: Thái Lan - Sri Trang	Đôi	2.000	
46	Găng tay khám bệnh các số	Găng tay có bột làm từ cao su tự nhiên, màu trắng tự nhiên có nhám đầu ngón tay, cổ tay gấp. Chiều rộng cỡ XS: 70±10mm; cỡ S: 80±10mm; cỡ M: 95±10mm, cỡ L: 111±10mm. Chiều dài trung bình 240mm. Độ dày ngón tay tối thiểu 0.08mm. Độ dày lòng bàn tay tối thiểu 0.08mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: Thái Lan - Sri Trang	Đôi	150.00	
47	Găng tay cao su các loại, các cỡ (có bột)	Nguyên liệu cao su tự nhiên có bột. Bề mặt trơn nhẵn. Màu trắng tự nhiên. Các cỡ XS,S,M,L. Chiều dài tối thiểu các cỡ 230mm. Độ dày tại vùng trơn nhẵn 0,08mm, tại vùng nhám 0,05mm . Trước và sau lão hóa già có độ bền sức căng nhỏ nhất là 18 và 14 (Mpa), độ giãn dài nhỏ nhất là 650 và 500%. Lượng protein tối đa 200µg/dm². Lượng bột tối đa 10mg/dm². Xuất xứ: Công ty Dược phẩm và Thương mại Thành Công (trách nhiệm hữu hạn)/Việt Nam	Đôi	100.00	

48	Găng tay sản khoa dài tay các cỡ (M,L)	Găng sản khoa (găng khám sản) chưa tiết trùng sản xuất từ latex cao su thiên nhiên phủ bột chống dính, sử dụng một lần. - Bề dày: min 0,15mm - Chiều dài: 490 ±10 mm - Chiều rộng lòng bàn tay: + Size 7: 89±5mm + Size 7 1/2: 95±5mm - Lực kéo đứt: + Trước lão hóa: min 12,5N + Sau lão hóa: min 9,5N - Độ giãn dài khi đứt: + Trước lão hóa: min 700% + Sau lão hóa: min 550% c. Lỗ thủng: AQL 1.5 Găng đạt tiêu chuẩn TCVN 6343-1:2007 Hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485 Xuất xứ: Nam Tín/ Việt nam	Đôi	30	
49	Găng tay phẫu thuật tiết trùng các cỡ	Găng tay cao su tự nhiên, tiết trùng, có bột (USP) dùng trong thủ thuật, phẫu thuật. Mủ cao su tự nhiên, nhám lòng bàn tay và ngón tay, phân biệt tay trái/phải, ASTM D3577, TCVN 6344-2007. Bao gói đạt chuẩn y tế ISO 11607, theo chuẩn Châu Âu REACH 1907/2006. Có hiển thị phân biệt tiết trùng bằng màu cảm quang. Miếng túi thiết kế theo kiểu Peel down, thuận tiện cho người sử dụng, sản phẩm được kiểm tra 100% trước khi đóng gói, Kiểm tra độ vô khuẩn theo Dược điển Việt Nam. Màu sắc: Trắng, kích cỡ: 6.5, 7.0, 7.5, 8.0, Cân nặng (±0.2gr): 6.5: 8.5gr, 7.0: 9.0gr, 7.5: 9.5gr, 8.0: 10.0gr. Chiều dài: Tối thiểu 270mm. Chiều rộng (mm): 6.5: 83±6, 7.0: 89±6, 7.5: 95±6. 8.0: 102±6. Độ dày (mm): Lòng bàn tay ≥0.14, đầu ngón tay ≥0.16. Lực kéo đứt trước lão hóa/Sau lão hóa: Tối thiểu 26MPa/20Mpa, Độ giãn dài khi đứt trước lão hóa/Sau lão hóa: 750%/560%. Hàm lượng bột: Tối đa 10mg/dm². Hàm lượng Protein: Tối đa 100µg/dm² Xuất xứ: Công ty Cổ phần Găng tay HTC/Việt Nam	Đôi	10.00 0	
50	Găng tay vô trùng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Nguyên liệu mủ cao su tự nhiên có bột. Màu trắng tự nhiên. Các cỡ XS,S,M;L,XL. Chiều dài tối thiểu các cỡ 240mm. Độ dày ngón tay nhỏ nhất 0,08mm, lòng bàn tay nhỏ nhất 0,08mm . Trước và sau lão hóa gia có độ bền sức căng nhỏ nhất là 18 và 14 (Mpa), độ giãn dài nhỏ nhất là 650 và 500%. Lượng protein tối đa 200µg/dm². Lượng bột tối đa 10mg/dm². Đạt tiêu chuẩn EC, ISO 9001, ISO 13485:2016 Xuất xứ: Công ty Cổ phần Găng tay HTC/Việt Nam	Đôi	10.00 0	
		Túi, bao gói tiết trùng các loại, các cỡ			

51	Túi máu đơn 250ml	Dung tích túi chứa 250ml/350ml máu toàn phần, túi chứa sẵn 35ml/49ml dung dịch chống đông và bảo quản CPDA-1, bảo quản hồng cầu 35 ngày trong nhiệt độ từ 2-6°C. 100ml dung dịch CPDA-1 có: Citric Acid (anhydrous) 0.299g, Sodium Citrate (dihydrate) 2.63g, Monobasic Sodium Phosphate (monohydrate) 0.222g, Dextrose (monohydrate) 3.19g, Adenine 0.0275g, nước vừa đủ 100ml. Ống dây lấy máu 950-1200mm, có kim phủ silicon 2 lớp cỡ 16G. Kích thước túi: Độ rộng trong lòng túi: Chiều dọc: 136/147±5mm, Chiều ngang: 110/125±5mm. Quy cách: 1 túi máu/túi, 5 túi máu/túi nhôm, 10 túi nhôm/thùng. Tiêu chuẩn: ISO 13485, EC, CFS có chứng thực Đại sứ quán. Xuất xứ: Demophorius/cyprus	Túi	200	
52	Túi máu đơn	Dung tích 250ml để đựng máu toàn phần, trong túi có 35ml dung dịch chống đông CPDA-1 (100ml CPDA-1 chứa: Citric Acid: 0.299g; Sodium Citrate: 2.63g, Monobasic Sodium phate:0.222g, Dextrose: 3.19g, Adenine 0,0275g). Ống dây lấy máu dài 980±40 mm, Đạt tiêu chuẩn ISO13485 Xuất xứ: Terumo BCT Vietnam Co., Ltd.;Việt Nam	Túi	100	
		Túi, lọ, cát-sét (cassette) đựng hoặc đo lượng chất thải tiết, dịch xả các loại, các cỡ			
53	Túi đựng nước tiểu MPV	Dung tích 2000ml, có bảng ghi thông tin bệnh nhân; Van xả thoát đáy chữ T, không có quai treo; Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (TUV) Xuất xứ: Việt Nam - MPV	Cái	1.000	
54	Túi đựng nước tiểu	Túi nước tiểu van xả chữ T dung tích 2000ml, chất liệu nhựa y tế đã tiệt trùng, không gây dị ứng. Sử dụng một lần vô trùng. Xuất xứ: Zhejiang Renon Medical Instrument Co., Ltd;Trung Quốc	Cái	500	
		Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ			
55	Ống nghiệm lấy máu ESR Sodium Citrate 3.8% MPV nắp nhựa	Ống nghiệm Sodium Citrate 3,8% kích thước 13x75mm, sản xuất từ nhựa PP nguyên sinh không độc, được phép sử dụng trong y tế. Xuất xứ: Việt Nam - MPV	Ống	10.00 0	
56	Ống nghiệm chống đông Heparin	Ống nghiệm Heparin kích thước 13x75mm; sản xuất từ nhựa PP nguyên sinh không độc, được phép sử dụng trong y tế. Xuất xứ: Việt Nam - MPV	Ống	20.00 0	

57	Ống nghiệm lấy máu K2 EDTA MPV nắp nhựa	Ống nghiệm PS tinh khiết 100% Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất bên trong Là loại ống nghiệm đáy tròn, nắp trắng, có nhãn. Kích thước: 12×75mm Dung tích: 5ml Trạng thái ổn định ở nhiệt độ từ 4 đến 60 độ C. Không chứa chất chống đông Có thể chịu được lực ly tâm ở mức 1400 rcf. Xuất xứ: Đất Việt Thành/ Việt Nam	Cái	20.000	
58	Ống nghiệm nhựa có nắp, có nhãn	Ống nghiệm PS tinh khiết 100% Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất bên trong Là loại ống nghiệm đáy tròn, nắp trắng, có nhãn. Kích thước: 12×75mm Dung tích: 5ml Trạng thái ổn định ở nhiệt độ từ 4 đến 60 độ C. Không chứa chất chống đông Có thể chịu được lực ly tâm ở mức 1400 rcf.	Cái	1500	
		Túi hậu môn nhân tạo			
		Ca-nuyn (cannula) các loại, các cỡ			
59	Canuyn mayo (nhựa)	Công dụng: duy trì đường thở không bị cản trở trong quá trình gây mê. • Được làm từ Polyethylene không độc hại. • Size có sẵn: - Size 0 - 60mm - đen # 50 cái/hộp. - Size 1 - 70mm - trắng # 50 cái/hộp. - Size 2 - 80mm - xanh lá # 50 cái/hộp. - Size 3 - 90mm - vàng # 50 cái/hộp. - Size 4 - 100mm - đỏ # 50 cái/hộp. Xuất xứ: Ningbo Greetmed Medical Instruments Co., Ltd.; Trung Quốc	Cái	100	

		Ống ca-nuyn (cannula) mở khí quản các loại, các cỡ			
60	Canuyn mở khí quản bạc	- Làm bằng nhựa PVC trong và không độc hại, được khử trùng bằng khí EO - Có bóng bóp thể tích lớn, áp lực thấp - Uốn cong 900 - Núm xoay 15mm - Đầu value có khóa xoay - Đường mờ tia X nằm theo chiều dài của ống - Nắp đậy và dây đeo cổ dài 240cm - Mép cổ mềm, cố định - Không có cao su - Sử dụng một lần - Các số: 6.0 / 6.5 / 7.0 / 7.5 / 8.0 Xuất xứ: Hangzhou jinlin medical appliances co.,LTD (Kyoling);Trung Quốc	Cái	20	
		Ống nội khí quản sử dụng một lần các loại, các cỡ (bao gồm ống nội khí quản canlene)			
61	Ống đặt nội khí quản có bóng các cỡ	Đầu nối tiêu chuẩn 15mm, đường mờ tia X chạy dọc chiều dài ống. Bóng cân đối 2 bên. Có các cỡ: từ 2.5 – 10.0. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: Trung Quốc - Hitec Medical	Cái	300	
		Thông (sonde) các loại, các cỡ			
62	Sonde cho ăn dành cho nhi	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm, có chiều dài 500 mm. Một đầu dây được gắn phễu có nắp đậy, đầu còn lại được bo tròn. Có 02 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên thành ống dây. Trên dây có 03 vạch đánh dấu cách đầu bo một khoảng lần lượt là 20cm, 30cm, 40cm. Mỗi dây được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO. Xuất xứ: Hoàng Sơn - Việt Nam	Cái	200	
63	Sonde cho ăn các cỡ	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm, có chiều dài 1.250 mm. Một đầu dây được gắn phễu có nắp đậy, đầu còn lại được bo tròn. Có 4 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên thành ống dây. Trên dây có 04 vạch đánh dấu cách đầu bo một khoảng lần lượt là 45cm, 55cm, 65cm, 75cm. Mỗi dây được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO. Xuất xứ: Hoàng Sơn - Việt Nam	Sợi	300	

64	Ống thông hậu môn MPV	Các số 18,22,24,26,28. Dây dẫn dài 400mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (TUV) Xuất xứ: Trung Quốc - Hitec Medical	Cái	300	
		Bộ rửa dạ dày sử dụng một lần các loại, các cỡ			
65	Bộ rửa dạ dày HTK	Bộ rửa dạ dày hệ thống kín TCCS 02:2020/TCC Xuất xứ: Công ty CP TM&XD TOPCONS - Vietnam	Bộ	400	
		Ống (sonde) rửa dạ dày các loại, các cỡ			
66	Sonde dạ dày các số	Các cỡ 5, 6,8,10,12,14,16,18. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (TUV) Xuất xứ: Việt Nam - MPV	Cái	1.000	
		Ống dẫn lưu (drain) các loại, các cỡ			
67	Sonde dẫn lưu ổ bụng các cỡ	Chất liệu: nhựa PVC y tế Chiều dài khoảng 400 mm ($\pm 5\%$). Đường kính bên trong ống: 5,0mm và 7,0mm. Đường kính bên ngoài ống: 7,0mm và 10,0mm. Đã được tiệt trùng Xuất xứ: Công ty CP Đất Việt Thành/ Việt Nam	Cái	200	
		Ống, dây hút đờm, dịch, khí, mỡ các loại, các cỡ			
68	Sonde hút nhót các cỡ có van	Các số 5, 6,8,10,12,14,16. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Độ dài 500mm. Gồm 2 loại có nắp hoặc không có nắp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Xuất xứ: Công ty CP Đất Việt Thành/ Việt Nam	Cái	1.000	
69	Sonde hút nhót các cỡ có van	Chất liệu nhựa PVC, ABS; Chiều dài 53 $\pm$ 1cm; Đường kính ngoài: 6-24FG(6.0 $\pm$ 0.2mm); có chia vạch 5cm để giúp định vị dây hút chính xác, đầu xa mở với 2 mắt bên giúp hút đờm/nhót hiệu quả Xuất xứ: Ấn Độ - Polybond	Cái	300	
70	Sonde hút nhót các cỡ có van	Các cỡ, bề ngoài thân ống dây dẫn có rãnh chống bẹp, dẻo dai và độ đàn hồi cao, chịu áp lực âm cao (-75kpa) không bị bóp méo	Cái	100	

		Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (TUV) Xuất xứ: Việt Nam - MPV			
71	Sonde hút nhót các cỡ không van	Ống hút đàm có điều khiển các cỡ, dài 53cm, chất liệu ống PVC, chất liệu nắp điều khiển ABS +MB, van điều khiển chữ T chuyển động linh hoạt, có chỉ thị màu xác định kích cỡ, thân ống trơn láng giúp dễ luồn, đầu ống mềm-tròn hạn chế tổn thương có 1 < eye> để hút dịch, tiệt trùng EO. Hạn dùng 5 năm, Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485:2016 Xuất xứ: Romsons/ Ấn độ	Cái	500	
		Bộ dây thở ô-xy dùng một lần các loại, các cỡ			
72	Dây thở oxy 2 nhánh	Các cỡ sơ sinh, trẻ em, người lớn . Dây dẫn chính có chiều dài 2000 mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (TUV) Xuất xứ: Việt Nam - MPV	Sợ	1.000	
I.12		Catheter			
		Ống thông (catheter) các loại, các cỡ			
73	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	Các ống thông được làm từ polyurethane mềm, với cánh tích hợp, Dây dẫn cuối chữ J : 0.018– 0.038” X 50 cm, Dây dẫn cuối thẳng: 0.018” X 50 cm, Bộ nối nước: 4 Fr - 9 Fr, Kim đầu vào: 18G tới 21 G dài : 40MM đến 80MM, Ống tiêm : Đánh dấu 5ML., kích cỡ : 4fr/5Fr/8Fr/7Fr/8.5Fr, , với chiều dài từ 5cm đến 30cm Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001, ISO 13485 Xuất xứ: Lamed Healthcare Privated Limited - Ấn Độ	Bộ	30	
74	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	Bộ ống thông làm từ vật liệu PU với độ tương thích sinh học . Các vật liệu có độ bền kéo cao nhưng mềm ở nhiệt độ cơ thể và Hoàn toàn chấn bức xạ .Catheter được luồn theo kỹ thuật Seldinger. Dây dẫn (Guider Wire) kích thước 0,035" J60cm, Kim dẫn hướng 18G x7cm, thiết bị nối rộng tĩnh mạch 8Fr x10 cm, Kích thước 7Fr x20cm Xuất xứ: Lamed Healthcare Privated Limited - Ấn Độ	Bộ	20	
75	Sâu máy thở	Làm bằng chất liệu nhựa y tế PVC cao cấp, độ đàn hồi cao. Tương thích với các loại ống nội khí quản, dây máy thở theo tiêu chuẩn chung. Ống dây xếp gấp 15cm, đôi khuỷu tay xoay cùng với ống hút đờm 22F-15/22M. Tiệt khuẩn bằng khí EO	Cái	50	

		Xuất xứ: Trung Quốc - Hitec Medical			
I.13		Kim khâu			
		Kim khâu các loại, các cỡ			
76	Kim khâu da	Được sản xuất bằng thép đầu kim nhọn, sắt nhọn. Xuất xứ: Ningbo Greetmed Medical Instruments Co., Ltd.;Trung Quốc	Cái	500	
77	Kim khâu ruột	Kim khâu tam giác – tròn - Được sản xuất bằng thép Cacbon với công nghệ sản xuất hiện đại cho đầu kim nhọn, sắt nhọn. - Công dụng: dùng để khâu vết thương. Xuất xứ: Ningbo Greetmed Medical Instruments Co., Ltd.;Trung Quốc	Cái	500	
I.14		Chỉ khâu			
		Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ			
78	Chỉ khâu không tiêu Nylon số 3/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi cấu tạo Polyamid 6 số 3/0 dài 75cm. Kim tam giác 3/8 vòng tròn dài 24mm, kim bằng thép 300, kim phủ silicone. Xuất xứ: B.Braun/ Tây Ban Nha	Sợi	500	
79	Chỉ khâu không tiêu Nylon số 3/0 dài 75cm	Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp đơn sợi, Monofilament nylon số 3/0 dài 75 cm, kèm 1 kim tròn dài 24 mm 1/2 vòng tròn. Xuất xứ: Unilene S.A.C/ Peru	Sợi	240	
80	Chỉ phẫu thuật không tiêu Nylon cỡ số 3/0	monofilament nylon. Kim tam giác, cong 3/8 vòng tròn, dài 24mm. Chỉ dài 76cm. Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)- ISO 13485. 12 sợi/ hộp Xuất xứ: Unilene Hãng Dynek - Australia	Sợi	120	
81	Chỉ khâu không tiêu Nylon số 4/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi cấu tạo Polyamid 6 số 4/0 dài 75cm. Kim tam giác 3/8 vòng tròn dài 19mm, kim bằng thép 300. Kim phủ silicone. Xuất xứ: B.Braun/ Tây Ban Nha	Sợi	300	
82	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi PolyPropylene , số 2/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu tam giác dài 26mm 1/2 vòng tròn, Tiêu chuẩn: ISO 13485,	Sợi	240	

	polypropylene số 2/0	Xuất xứ: /Kollsut International Inc/ Mỹ			
83	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp polypropylene số 2/1	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp đơn sợi PolyPropylene , số 3/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn dài 26mm 1/2 vòng tròn, Tiêu chuẩn: ISO 13485 Xuất xứ: /Kollsut International Inc/ Mỹ	Sợi	240	
84	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp polypropylene số 3/0	3 Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp, Polypropylene số 3/0, sợi dài 90cm, hai kim tròn dài 45 mm, kim 1/2 vòng tròn Xuất xứ: Unilene S.A.C/ Peru	Sợi	240	
		Chỉ khâu liền kim các loại, các cỡ			
85	Chỉ khâu liền kim Chromic Cutgut số 1 dài 75cm	Chromic Catgut 5(1)75cm 1/2HR40 Chỉ tiêu thiên nhiên Collagen tinh khiết, đơn sợi, số 1 kim tròn 1/2 chiều dài chỉ 75cm , chiều dài kim 40, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon. Giữ vết khâu tốt trong 14-21 ngày. Tan hoàn toàn sau 90 ngày. Đóng gói PVC - AL (có chứa chất khử trùng), bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng EO/CO2 tỉ lệ 20:80. Xuất xứ: Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế - Việt Nam	Tép	600	
86	Chỉ khâu liền kim Chromic Cutgut số 2 dài 75cm	Chỉ khâu liền kim Chromic Cutgut số 2/0 dài 70cm-75cm Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 2/0 dài 75cm kim tròn 1/2C dài 26mm. . Tiêu chuẩn ISO CE – Xuất xứ: SMI-Bi	Sợi	500	
87	Chỉ khâu liền kim Chromic Cutgut số 3/0 dài 70cm-75cm	Chỉ tiêu thiên nhiên Collagen tinh khiết, đơn sợi, 3/0 kim tròn 1/2 chiều dài chỉ 75cm , chiều dài kim 26, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon. Giữ vết khâu tốt trong 14-21 ngày. Tan hoàn toàn sau 90 ngày. Đóng gói PVC - AL (có chứa chất khử trùng), bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng EO/CO2 tỉ lệ 20:80. Xuất xứ: Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế - Việt Nam	Tép	500	
88	Chỉ tan nhanh Polyglactin 910 số 2/0 dài 90cm	Chỉ phẫu thuật VICRYL RAPIDE số 2/0, dài 90cm, kim tròn đầu cắt 36mm, 1/2C Chỉ tan nhanh tổng hợp Polyglactine 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 2/0 dài 90cm, kim tròn đầu cắt V-34 có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 36mm 1/2 vòng tròn. Lực	Sợi	480	

		căng giữ vết thương: 50% sau 5 ngày, 0% sau 10 - 14 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn 42 ngày. Xuất xứ: Johnson & Johnson MEDICAL GmbH/ Đức			
89	Chỉ tan nhanh Polyglactin 910 số 2/0 dài 90cm	Chỉ phẫu thuật Oryl 910 số 2/0 Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 (Glycolide-co lactide) được bao phủ bởi Poly (30% glycolide acid và 70% lactide acid) và calcium stearate, số 2-0, dài 75CM. Kim được làm bằng thép không gỉ, kim tròn 26MM, kim 1/2. Duy trì 75% độ căng của chỉ sau 2 tuần, 50% sau 3 tuần, tiêu hoàn toàn trong khoảng từ 56 – 70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO13485; CE; CE Design Examinatio Xuất xứ: India/Orion Sutures (India) Pvt Ltd	Sợi	480	
90	Chỉ khâu liền kim Polyglycolic Acid số 3/0 dài 75cm	Chỉ Novosyn violet số 3/0 Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910 (90% Polyglycolic acid+ 10% Polylactic acid) số 3/0, dài 70 cm. Kim tròn 1/2 vòng tròn dài 26 mm, thép 300, kim phủ silicone đàn hồi, độ sắc cao. Xuất xứ: B.Braun/ Tây Ban Nha	Sợi	240	
91	BIOVEK	Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi chất liệu Polyglycolic acid có 2 loại nhuộm (màu tím) và không nhuộm Kích Kích thước chỉ (USP): 3/0 Dài chỉ (CM): 76 Dài kim (MM): 18 Vòng kim: 1/2 Loại kim: Kim nhọn thân tròn Xuất xứ: Dynek Pty Ltd/ Australia	Sợi	240	
		Chỉ khâu tiêu chậm các loại, các cỡ			

92	Chỉ khâu liền kim Polyglycolic acid số 2/0 dài 90cm	Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi chất liệu Polyglycolic acid có 2 loại nhuộm (màu tím) và không nhuộm Kích thước chỉ (USP): 2/0 Dài chỉ (CM): 90 Dài kim (MM): 30 Vòng kim: 1/2 Loại kim: Kim nhọn thân tròn Xuất xứ: Dynek Pty Ltd/ Australia	Sợi	240	
93	Chỉ phẫu thuật tiêu tổng hợp Polyglycolide cỡ số 1	Chỉ Biovek số 1 Chỉ phẫu thuật tiêu tổng hợp polyglycolide sợi bền, phủ polycaprolactone và calcium stearate. Kim tròn, cứng chống đàn hồi, cong 1/2 vòng tròn, dài 40mm. Chỉ dài 90cm. Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)- ISO 13485. Xuất xứ: Hãng Dynek - Australia	Sợi	600	
94	Chỉ phẫu thuật tiêu tổng hợp Polyglycolide cỡ số 2/0	Chỉ Biovek số 2/0 Chỉ phẫu thuật tiêu tổng hợp polyglycolide sợi bền, phủ polycaprolactone và calcium stearate. Kim tròn cong 1/2 vòng tròn, dài 25mm. Chỉ dài 76cm. Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)- ISO 13485. Xuất xứ: Hãng Dynek - Australia	Sợi	360	
95	Chỉ phẫu thuật tiêu tổng hợp Polyglycolide cỡ số 3/0	Chỉ phẫu thuật tiêu tổng hợp polyglycolide sợi bền, phủ polycaprolactone và calcium stearate. Kim tròn cong 1/2 vòng tròn, dài 25mm. Chỉ dài 76cm. Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)- ISO 13485. Xuất xứ: Hãng Dynek - Australia	Sợi	240	
		Lưỡi dao mổ sử dụng một lần các loại, các cỡ			
96	Lưỡi dao mổ vô trùng các số	Thép không rỉ các số Xuất xứ: SMI A.G;Bỉ	Cái	1.500	

		Bơm áp lực các loại, các cỡ			
		Phim X- quang các loại, các cỡ			
97	Phim khô y tế DI-HT cỡ 25x30 cm dùng cho máy in phim khô Fujifilm	Phim dùng cho chụp X-quang y tế DI-HT -cỡ 25x30 cm Phim nhiệt khô cỡ 25x30 cm tương thích máy in phim nhiệt , hộp 100 tờ sử dụng công nghệ CEo Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp phim, lớp nhạy nhiệt, lớp bảo vệ. ISO 13485, CE. Xuất xứ: FUJIFILM SHIZUOKA Co.,Ltd - Nhật Bản	Tờ	18.000	
98	Phim dùng cho chụp X-quang y tế DI-HL 35x43cm Kích cỡ: 35X43cm	Phim dùng cho chụp X-Quang y tế (35x43cm) Phim dùng cho chụp X-Quang y tế. Tương thích với máy in phim khô Drypix series. Sử dụng công nghệ CEo Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp phim, lớp nhạy nhiệt, lớp bảo vệ. ISO 13485, CE Xuất xứ: FUJIFILM SHIZUOKA Co.,Ltd - Nhật Bản	Tờ	6000	
		Bộ đặt dẫn lưu thận qua da các loại, các cỡ (bao gồm: Kim chọc, ống thông để nong, ống thông (sonde) J-J, ống thông để đặt dẫn lưu ra ngoài)			
99	Sonde Foley 2 nhánh các cỡ	Sonde Foley 2 nhánh các số Kích thước bóng: 30cc. Các số: 12 - 28. Chiều dài 40cm ± 5%. Chất liệu cao su thiên nhiên có phủ Silicone. Bóng cân đối có 2 nhánh, chất liệu không có chất DEHP. Đóng gói tiệt trùng bằng khí EO Xuất xứ: Trung Quốc - Hitec Medical	Cái	300	
100	Sonde Foley 2 nhánh từ số 12 – 28	Số 12 - 28. Chất liệu cao su thiên nhiên có phủ silicon giảm kích ứng, thành ống dày chống gầy gập, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt, Bóng đối xứng, 2 nhánh, chất liệu không có chất DEHP. Xuất xứ: Romsons/ Ấn độ	Cái	300	
101	Sonde Foley 2 nhánh cỡ số	Kích thước .(8FR (3ml);10FR (3ml-5ml); 24FR(30ml);26FR(30ml)) Chất liệu cao su, bề mặt ống phủ Silicone , độ cong thích hợp. Trơn láng không gây tổn thương, không gây kích	Cái	500	

		ứng da. Xuất xứ: Zhanjiang Star Enterprise Co., Ltd.;Trung Quốc			
102	Sonde Foley 3 nhánh các số	Kích thước bóng: 30cc. Các số: 16 - 30. Chiều dài 40cm ± 5%. Chất liệu cao su thiên nhiên có phủ Silicone. Bóng cân đối có 2 nhánh, chất liệu không có chất DEHP. Đóng gói tiệt trùng bằng khí EO Xuất xứ: Trung Quốc - Hitec Medical	Cái	50	
103	Sonde Nelaton các số	Ống thông tiểu 1 nhánh / nelaton (nam) Ống thông tiểu 1 nhánh, kích cỡ đa dạng 6,8,10,12,14,16,FG, chất liệu PVC y tế: không độc, không gây kích ứng, dài 40cm, cuối ống thiết kế dạng hình nón cực trơn láng có 2 lỗ dẫn tháo nước tiểu dễ dàng, cản quang, tiệt trùng EO. Hạn dùng 5 năm. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485:2016 Xuất xứ: Romsons/ Ấn độ	Cái	300	
104	Ống thông tiểu 1 nhánh / nelaton (nữ)	Ống thông tiểu 1 nhánh, kích cỡ đa dạng 6,8,10,12,14,16,FG, chất liệu PVC y tế: không độc, không gây kích ứng, dài 40cm, cuối ống thiết kế dạng hình nón cực trơn láng có 2 lỗ dẫn tháo nước tiểu dễ dàng, cản quang, tiệt trùng EO. Hạn dùng 5 năm. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485:2016 Xuất xứ: Romsons/ Ấn độ	Cái	800	
105	Sonde Nelaton các số	Ống dài 40cm, bằng cao su. Đầu hờ với 2 lỗ bên giúp dẫn lưu tối đa. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE. Xuất xứ: Sainty - Trung Quốc	Cái	600	
		Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ			
106	Kim cấy chỉ	Thời gian sử dụng tính từ ngày tiệt trùng: 2 năm - Kim cấy chỉ vô trùng dùng một lần - Bao gồm các thành phần chính: Ống bảo vệ, Thân Kim, Lõi kim - Thân kim và lõi kim được sản xuất từ sợi thép y tế không biến tính. - Hộp đựng kim, ống lót, ống bảo vệ được làm từ nhựa PP y tế. - Thân kim có các vạch chia, - Màu giá đỡ kim: Cam, xanh, đen, xanh lá, vàng, trắng, hồng	Cái	200	

		- Màu ống bảo vệ: Không màu - Các kích thước: + Cagut Embedding Needles 0.5: Kích thước 0.5 x 55mm + Cagut Embedding Needles 0.6: Kích thước 0.6 x 55mm + Cagut Embedding Needles 0.7: Kích thước 0.7 x 55mm + Cagut Embedding Needles 0.8: Kích thước 0.8 x 55mm + Cagut Embedding Needles 0.9: Kích thước 0.9 x 68mm + Cagut Embedding Needles 1.1: Kích thước 1.1x 73mm + Cagut Embedding Needles 1.2: Kích thước 1.2 x 73mm + Cagut Embedding Needles 1.4: Kích thước 1.4 x 73mm + Cagut Embedding Needles 1.6: Kích thước 1.6 x 73mm + Cagut Embedding Needles 1.8: Kích thước 1.8 x 73mm Xuất xứ: Wuxi Jiajian Medical Instrument Co.,Ltd;Trung Quốc			
		Bao bọc camera dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các loại, các cỡ			
107	Túi camera vô trùng	Ống nylon 18 x 230 cm. Dây buộc 2 ly 2 x60 cm 2.Túi nylon 9 x 14 cm. Dây buộc 2 ly 2 x 30cm Màu sắc đồng đều, có độ trong,bề mặt mịn có độ dẻo dai. + Dây cotton màu trắng, có độ bền cao. Yêu cầu an toàn: Không dính bụi bẩn, tạp chất, ko rách, thủng, ko kích ứng da... Được đóng gói trong bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế. Xuất xứ: An Lành/Việt Nam	Cái	500	
		Đầu côn các loại, các cỡ			
108	Đầu côn vàng	Đầu côn vàng 200ul Đầu côn vàng dung tích 200 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác. Xuất xứ: Jiangsu Huida, Trung Quốc	Cái	20.00 0	
109	Đầu côn xanh	Đầu côn xanh 1000ul Đầu côn xanh dung tích 1000 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase.	Cái	2.000	

		Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác. Xuất xứ: Jiangsu Huida, Trung Quốc			
110		Đầu côn trắng Đầu côn trắng 10ul Đầu côn trắng dung tích 10 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác. Xuất xứ: Jiangsu Huida, Trung Quốc	Cái	1.000	
		Đề lưỡi (gỗ, inox, sắt) các loại, các cỡ			
111	Que đề lưỡi gỗ hoàng sơn	Được làm từ gỗ tự nhiên, sấy khô, đánh bóng, mỗi que được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO. Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm Xuất xứ: HOÀNG SƠN/ Việt Nam	Cái	2.000	
		Miếng dán điện cực, điện cực dán, đệm điện cực các loại, các cỡ			
112	Điện cực tim	Điện cực tim 3M Red Dot 4cm x 3.3cm Kích thước 3,7cm x 3,3cm. Nền xốp và gel dính với keo Acrylate Thiết kế hình chữ nhật. Nút điện cực bằng vật liệu thép không gỉ, chất lượng cao, dẫn truyền tín hiệu tốt Tiêu chuẩn: ISO, CE, CFS Xuất xứ: 3M Canada Co.	Cái	200	
		Mặt nạ (mask) các loại, các cỡ			
113	Mặt nạ xông khí dung các cỡ	Mặt nạ xông khí dung MPV Các cỡ M,L,XL. Dây dẫn chính có chiều dài 2 m. Mask nối liền với túi và dây. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 Xuất xứ: Việt Nam - MPV	Cái	100	
114		Mặt nạ xông khí dung các cỡ Mặt nạ xông khí dung MPV Các cỡ M,L,XL. Dây dẫn chính có chiều dài 2 m. Mask nối liền với túi và dây.	Cái	20	

		Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 Xuất xứ: Việt Nam - MPV			
		Vật tư khác			
115	Băng chỉ thị hấp ướt	Băng chỉ thị tiếp xúc cho gói dụng cụ tiệt khuẩn bằng hơi nước 24mm x 55m 'Băng chỉ thị nhiệt 3M™ Comply™ 1322 dùng trong tiệt khuẩn hơi nước với mục đích cố định gói dụng cụ chắc chắn và phân biệt gói dụng cụ đã qua tiệt khuẩn hay chưa* Mục chỉ thị hóa học, được in theo kiểu sọc chéo, không chứa chì nghĩa là không tạo chất thải nguy hại ra môi trường * Lớp keo không chứa cao su, dính chắc phù hợp với nhiều loại vải bọc, giấy gói, bao plastic,... * Lớp nền là loại giấy crepe màu be có thể co giãn giúp giảm thiểu tình trạng băng dính bị “bung ra” trong quá trình tiệt trùng, có thể viết được lên trên hoặc dán nhãn bằng nhãn in sẵn* Vạch chỉ thị hóa học sẽ chuyển qua màu đen khi tiếp xúc với quy trình tiệt trùng bằng hơi nước* Băng chỉ thị nhiệt 3M™ Comply™ 1322 là chỉ thị hóa học tiếp xúc loại 1 theo phân loại của ISO 11140-1:2014. Tiêu chuẩn: ISO, FDA / Xuất xứ: 3M Canada Co.	Cuộn	10	
116	Giấy in máy huyết học	Giấy điện tim 6 cần Kích thước 110mm x 140mm x 143 sheets, phù hợp với máy của bệnh viện. Tiêu chuẩn ISO 13485, EC Xuất xứ: Dongguan Tianyin Paper Industry Co., Ltd;Trung Quốc	Tập	100	
117	Giấy in Monitor sản khoa	Giấy Monitor sản khoa BISTOS FS151-90-80R-01 Dùng cho máy Monitor sản khoa Xuất xứ: Dongguan Tianyin Paper Industry Co., Ltd;Trung Quốc	Tập	50	
118		Giấy in siêu âm USP-110S Giấy siêu âm dùng cho máy siêu âm Sony Kích thước: 110mm x 20m ± 5%. Dạng cuộn. Giấy dùng trong y tế, dùng để in hình ảnh siêu âm đen trắng cho các dòng máy in siêu âm của hãng Sony. Xuất xứ: Hàn Quốc - UST C&T	Cuộn	100	
119	Khẩu trang y tế 3 lớp	Khẩu trang giấy kháng khuẩn 3 lớp, quai đeo mềm không gây kích ứng da. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn : EN ISO 13485:2016; ISO 9001 :2015, TCVN 8389-2010, CE, FDA. Đóng túi	Cái	10.000	

		1 cái/1 túi, tiệt trùng kín bằng khí EO. Xuất xứ: Việt Nam - MPV			
120	Khẩu trang y tế 4 lớp	Khẩu trang không gây dị ứng da, co giãn tốt thích ứng với mọi khuôn mặt. Bề mặt khẩu trang phải sạch sẽ. Dây đeo được dập chắc chắn tại bốn góc của khẩu trang. Xuất xứ: Công ty TNHH Thiết bị y tế Trường Mạnh Bắc Ninh	Cái	5.000	
121	Mũ giấy chưa tiệt trùng	+ 2 lớp ngoài vải không dệt + 1 lớp giữa chống thấm + 1 thanh tựa mũi. + 2 dây đeo tai có độ co giãn tốt. Màu sắc đồng đều, không loang bầm Kháng bụi bẩn và vi khuẩn 2.4g – 2.7g/ 1cái. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận GMP,CE Xuất xứ: An Lành Việt Nam	Cái	5.000	
122	Lamen 22x22mm	Chất liệu bằng thủy tinh borosilicate kháng hóa chất của lớp thủy phân đầu tiên, trong suốt, có thể sử dụng để quan sát dưới kính hiển vi huỳnh quang. Tiêu bản hình vuông kích cỡ 22x22mm Xuất xứ: Paul Marienfeld GmbH & Co. KG;Đức	Hộp	20	
123	Nhiệt kế thủy ngân	Nhiệt kế bằng thủy tinh, có cột thủy ngân, đầu đo tiếp nhiệt. - Đựng trong hộp nhựa, có bộ phận cố định bảo vệ đầu đo tiếp nhiệt. - Hiển thị nhiệt độ: Từ 35°C đến 42°C, khoảng chia vạch 0,1°C. - Độ chính xác: ± 0.1°C Xuất xứ: Dong-E E-Jiao E-Hua Medical Equipment Co., Ltd;Trung Quốc	Cái	100	
124	Gel bôi trơn	Gel bôi trơn (Gel KLY)Tuýp 82g Gel bôi trơn được sử dụng trong điện liệu pháp, thăm khám bằng tay. Gel Kly dùng để bôi trơn nội soi dạ dày, nội soi đại tràng, nội soi trực tràng, bôi trơn âm đạo Nó không gây ra dị ứng, không gây kích ứng da. Hoà tan được trong nước, dễ dàng làm sạch, không chứa tạp chất, dầu và chất nhờn. Không độc hại và không có mùi hôi. • Thành phần tối thiểu gồm: + Water	Tube	20	

		+ Glycerin + Monopropylen + Glycol + Hdroxyl ethyl cellulose + Methyl Hydroxybenzoate + Citric Acid + Không chứa muối và formaldehyde Xuất xứ: Turkuaz Medikal, Kozmetik ve Dis Tic. Ltd Sti - Thổ Nhĩ Kỳ			
125	Gel điện tim	Gel điện tim 250 ml được sử dụng trong các điện cực chuẩn đoán kỹ thuật số. Trong quá trình chuyển mạch bất kỳ, cho phép sóng điện cực được chuyển giao giữa các thiết bị một cách nhanh chóng và chính xác. Không gây dị ứng, không gây kích ứng da, không chứa chất dầu, không có chất formaldehyde và muối. Đặc biệt gel không có mùi hôi, không gây độc hại. • Bảo quản: Để nơi thoáng mát dưới 350C, tránh ánh sáng trực tiếp. Xuất xứ: Turkuaz Medikal, Kozmetik ve Dis Tic. Ltd Sti - Thổ Nhĩ Kỳ	Chai	50	
126	Cốc đờm	Sử dụng 1 lần , chất liệu nhựa PVC Xuất xứ: Việt Nam	Cái	2.000	
127		Kẹp hemolor Kẹp mạch máu Hemoclip Clip mạch máu Titan. ISO 9001 Chất liệu Titanium; Trên mỗi clip tại vị trí kẹp mạch máu có các rãnh nhỏ; Các cỡ S , M , ML , L, XL Xuất xứ: Locamed Limited/ Anh	Cái	100	
128	Kẹp hemolor	Kẹp mạch máu Hemoclock Nguyên liệu: Polymer; Có khóa. Đóng nhanh, hiệu quả, an toàn; Có răng tích hợp giúp clip không bị trượt trên mô. ISO 9001 Xuất xứ: Locamed Limited/ Anh	Cái	100	
129	Kẹp rốn MPV	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (TUV) Xuất xứ: Việt Nam - MPV	Cái	3.000	

130	Túi, bao gói tiệt trùng các loại, các cỡ	Bộ lọc nhiệt, hiệu quả cao của cổng lấy mẫu khí, trọng lượng nhẹ, kháng dòng chảy thấp. - Lọc hiệu quả ≥ 99.99 , thể tích khí lưu thông khoảng : 150-1500ml, không gian chết: ≤ 45 ml. - Các bộ lọc được thiết kế để ngăn chặn vi khuẩn/virus lây nhiễm chéo, hệ thống được sử dụng trên một bệnh nhân trong thông khí thở, tiệt trùng bằng khí EO Xuất xứ: Trung Quốc - Hitec Medical	Cái	1.000	
131	Phin lọc vi khuẩn các loại, các cỡ	Filter lọc khuẩn máy thở gây mê 'Filter mỏng nhẹ, màng lọc khuẩn màu trắng được dệt từ chất liệu lọc khuẩn, chất liệu không có cao su. Vỏ ngoài trong suốt để quan sát, có cổng lấy mẫu, cổng có nắp gắn liền. Vô trùng. Xuất xứ: Trung Quốc - Hitec Medical	Cái	100	
132	Nẹp khóa mắt xích thẳng các cỡ, Chất liệu Titanium	Chất liệu titanium nguyên chất. Gồm các loại 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 18 lỗ. Độ dày nẹp 3.0mm, chiều rộng 10mm, chiều dài nẹp từ 64mm - 233mm. Xuất xứ: Kanghui Medical/ Trung Quốc	Cái	10	
133	Nẹp khóa bản nhỏ dày 3.0 các cỡ, Chất liệu Titanium	Chất liệu titanium nguyên chất, Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, Số lỗ từ 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 lỗ,. Độ dày nẹp 3.0mm, chiều rộng nẹp 9.5mm, chiều dài nẹp từ 60mm - 164mm. Xuất xứ: Kanghui Medical/ Trung Quốc	Cái	10	
134	Nẹp khóa bản nhỏ dày 3.6mm các cỡ, Chất liệu Titanium	Chất liệu titanium nguyên chất Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, Số lỗ gồm các loại 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 lỗ, . Độ dày nẹp 3.6mm, chiều rộng 11mm, chiều dài nẹp từ 51mm - 155mm Xuất xứ: Kanghui Medical/ Trung Quốc	Cái	10	
135	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay mặt ngoài, Chất liệu Titanium	Chất liệu titanium nguyên chất, Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, Sử dụng hệ thống vít 2.7 và 3.5mm, Nẹp mặt ngoài: Số lỗ đầu: 6 lỗ, số lỗ thân: 3, 5, 7, 9 lỗ, Trái/phải, , Dày 2.5mm, rộng 11.2mm. Chiều dài từ 65mm - 143mm. Nẹp mặt trong: Số lỗ đầu: 3 lỗ dùng vít 2.7mm, số lỗ thân: 3, 5, 7, 9 lỗ, Trái/phải, , Dày 2.5mm, rộng 11.2mm. Chiều dài từ 59mm - 136mm. Xuất xứ: Kanghui Medical/ Trung Quốc	Cái	5	

136	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay các loại, Chất liệu Titanium	Chất liệu titanium nguyên chất, Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt. Loại ngắn : Gồm các loại 3, 5, 2 lỗ. Độ dày 3.6mm, bề rộng 12mm. Chiều dài từ 84mm - 108mm. Loại dài: Gồm các loại 5, 6, 8, 10, 12 lỗ. Độ dày 3.6mm, bề rộng 12mm. Chiều dài từ 132mm - 258mm. Xuất xứ: Kanghui Medical/ Trung Quốc	Cái	5	
137	Nẹp khóa đầu dưới xương quay chữ T mặt lưng các cỡ, Chất liệu Titanium	Chất liệu titanium nguyên chất. , Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, Độ dày từ 1.6mm, chiều rộng từ 6.5mm. Chiều dài từ 42 đến 102mm. Xuất xứ: Kanghui Medical/ Trung Quốc	Cái	5	
138	Nẹp khóa xương đòn chữ S các cỡ, Chất liệu Titanium	Chất liệu titanium nguyên chất. Độ dày 2.5mm, rộng 10mm. Chiều dài từ 61.8 đến 127.7mm tương ứng với số lỗ từ 6-12 lỗ, trái/phải các cỡ Xuất xứ: Kanghui Medical/ Trung Quốc	Cái	5	
139	Nẹp khóa xương đòn tái tạo mặt trước trên, Chất liệu Titanium	Chất liệu titanium nguyên chất, Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, Độ dày 3mm, rộng 10.5mm. gồm các loại 6, 7, 8 lỗ, trái/ phải các loại. Chiều dài từ 103.2 đến 122.5mm. Xuất xứ: Kanghui Medical/ Trung Quốc	Cái	15	
140	Nẹp khóa bản rộng các cỡ, Chất liệu Titanium	Chất liệu titanium nguyên chất, Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, Gồm các loại 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 lỗ,. Độ dày nẹp 6.0mm, chiều rộng 17.5mm. Chiều dài nẹp từ 107mm - 323mm. Xuất xứ: Kanghui Medical/ Trung Quốc	Cái	10	
141	Nẹp khóa bản hẹp các cỡ, Chất liệu Titanium	Chất liệu titanium nguyên chất, Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, Gồm các loại 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14 và 16 lỗ,. Độ dày nẹp 4.8mm, chiều rộng nẹp 13.5mm. Chiều dài nẹp từ 89mm - 287mm. Xuất xứ: Kanghui Medical/ Trung Quốc	Cái	10	
142	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi các cỡ, Chất liệu Titanium	Chất liệu titanium nguyên chất, Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, gồm các loại 5, 7, 9, 11, 13 lỗ ở thân,. Độ dày nẹp 6mm, chiều rộng nẹp 16mm. Trái/phải các loại, Chiều dài nẹp từ 156mm đến 316mm Xuất xứ: Kanghui Medical/ Trung Quốc	Cái	10	

143	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt Trong/ngoài, Chất liệu Titanium	Chất liệu titanium nguyên chất, Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt Nẹp mặt ngoài gồm các loại 5, 7, 9, 11 và 13 lỗ ở thân,. Độ dày nẹp 4.2mm, chiều rộng nẹp 16mm. Chiều dài nẹp từ 140mm đến 300mm. Nẹp mặt trong gồm: dày 3.8mm, rộng 14m, 3 lỗ đầu, số lỗ thân từ 4-13 lỗ, tương ứng với chiều dài từ 84mm- 228mm Xuất xứ: Kanghui Medical/ Trung Quốc	Cái	5	
144	Nẹp khóa đầu trên xương đùi các cỡ, Chất liệu Titanium	Chất liệu titanium nguyên chất, Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, gồm các loại 4, 6, 8, 10 và 12 lỗ ở thân. Đầu có 5 lỗ,. Độ dày nẹp 5.2mm, chiều rộng 18.0mm, Trái/phải các loại, Chiều dài nẹp từ 145mm đến 305mm. Xuất xứ: Kanghui Medical/ Trung Quốc	Cái	10	
145	Nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt trong/ Ngoài, Chất liệu Titanium	Chất liệu titanium nguyên chất Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, Nẹp mặt trong: Độ dày 4.2mm, độ rộng 13.7mm, Có 8 lỗ đầu, số lỗ thân : 4,6,8,10 lỗ, Trái/phải riêng biệt, Chiều dài nẹp từ 116mm đến 194mm. Nẹp mặt ngoài chữ L: dày 3.8mm, rộng 14m, 3 lỗ đầu, số lỗ thân từ 4-10 lỗ, tương ứng với chiều dài từ 83.2mm- 179.2mm Xuất xứ: Kanghui Medical/ Trung Quốc	Cái	10	
146	Nẹp khóa đầu dưới xương mác, Chất liệu Titanium	Chất liệu titanium nguyên chất Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, sử dụng hệ thống vít 2.7 và 3.5mm, Số lỗ đầu 5 lỗ, Số lỗ thân từ 3 đến 15,. Độ dày nẹp 2.5mm, chiều rộng nẹp 10.5mm. Chiều dài nẹp từ 86mm đến 242mm. Xuất xứ: Kanghui Medical/ Trung Quốc	Cái	5	
147	Vít khóa đường kính 3.5mm , Chất liệu Titanium	Chất liệu titanium Alloy, tự taro. Đường kính 3.5mm, đường kính lõi 2.7mm. Chiều dài từ 10 - 50mm bước ren tăng 2mm; Chiều dài 45-80mm bước ren tăng 5mm. Xuất xứ: Kanghui Medical/ Trung Quốc	Cái	300	
148	Vít xương cứng 3.5mm, , Chất liệu Titanium	Chất liệu titanium Alloy, toàn ren, tự taro. Đường kính 3.5mm, đường kính lõi 2.4mm, Chiều dài từ 10 - 50mm bước tăng 2mm; Chiều dài từ 50 - 130mm bước tăng 5mm. Xuất xứ: Kanghui Medical/ Trung Quốc	Cái	20	
149	Vít khóa đường kính 2.7mm , Chất liệu Titanium	Chất liệu titanium Alloy, tự taro. Đường kính 2.7mm, đường kính lõi vít 2.1mm. Chiều dài từ 6 - 60mm, bước tăng 2mm. Xuất xứ: Kanghui Medical/ Trung Quốc	Cái	20	

150	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro , Chất liệu Titanium	Chất liệu titanium Alloy, thân toàn ren, đầu vít tự taro. Đường kính 4.5mm, đường kính lõi 3mm. Chiều dài từ 14 - 60mm bước ren 2mm; Chiều dài từ 60 - 75mm bước ren 5mm. Xuất xứ: Kanghui Medical/ Trung Quốc	Cái	20	
151	Đinh Kitsner các cỡ, Vật liệu thép không gỉ	Vật liệu: Thép không gỉ Đường kính: 1.0/1.2/1.5/2.0/2.5/3.0mm, dài 250/300mm Xuất xứ: Kanghui Medical/ Trung Quốc	Cái	100	
152	Đinh Schanz các cỡ	ĐK 4.0mm đến 5.0mm, dài 200mm, Đinh 1 đầu có ren , đoạn ren dài 30mm. Chất liệu thép y tế ko gỉ. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC Xuất xứ: Suzhou Xinrong Best Instrument Co.,LTD Trung Quốc	Cái	50	
153	Mũi khoan xương các cỡ, Vật liệu thép không gỉ	Vật liệu: Thép không gỉ Đường kính: 2.5, 3.2, 4.5, 4.2, 2.6mm Xuất xứ: Kanghui Medical/ Trung Quốc	Cái	20	
154	Vít khóa đường kính 5.0mm, Chất liệu titanium	Chất liệu titanium Alloy. Đường kính 5.0mm, đường kính lõi 4.2mm , tự taro. Chiều dài từ 14 - 50mm, bước tăng 2mm; Chiều dài từ 50 - 90mm bước tăng 5mm. Xuất xứ: Kanghui Medical/ Trung Quốc	Cái	250	
155	Nẹp mini hàm trên 4 lỗ	'Nẹp mini hàm trên 4 lỗ thẳng cho vít titan 2.0 mm; dày 1.0 mm; rộng 5 mm; dài 22mm. chất liệu titanium. - Có chứng nhận EN ISO 13485:2016 do TÜV SÜD cấp ; EC: 93/42/EEC do TÜV SÜD cấp; FDA. Có trợ cụ tương thích. Xuất xứ: Dimeda -Đức	Cái	10	
156	Nẹp mini hàm trên 6 lỗ	Chất liệu Titanium. Nẹp mini hàm trên 6 lỗ thẳng cho vít titan 2.0 mm; dày 1mm, rộng 5mm. Có chứng nhận EN ISO 13485:2016 do TÜV SÜD cấp ; EC: 93/42/EEC do TÜV SÜD cấp; FDA. Có trợ cụ tương thích. Xuất xứ: Dimeda -Đức	Cái	10	
157	Nẹp mini hàm trên 16 lỗ	Chất liệu Titanium. Nẹp mini hàm trên 16 lỗ thẳng cho vít titan 2.0 mm; , dày 1.0 mm; rộng 5mm; dài 95mm,. Có chứng nhận EN ISO 13485:2016 do TÜV SÜD cấp ; EC: 93/42/EEC	Cái	10	

		do TÜV SÜD cấp; FDA. Có trợ cụ tương thích. Xuất xứ: Dimeda -Đức			
158	Nẹp mini hàm trên 8 lỗ	Chất liệu Titanium. Nẹp mini hàm trên 8 lỗ thẳng cho vít titan 2.0 mm; , dày 1mm; rộng 5 mm; dài 46mm. Có chứng nhận EN ISO 13485:2016 do TÜV SÜD cấp ; EC: 93/42/EEC do TÜV SÜD cấp; FDA. Có trợ cụ tương thích. Xuất xứ: Dimeda -Đức	Cái	10	
159	Nẹp Cong mini hàm trên 4 lỗ	'Chất liệu Titanium. Loại 4lỗ,6,8 lỗ, cong, làm vít 2.0. Có chứng nhận EN ISO 13485:2016 do TÜV SÜD cấp ; EC: 93/42/EEC do TÜV SÜD cấp; FDA. Có trợ cụ tương thích Xuất xứ: Dimeda -Đức	Cái	10	
160	Nẹp Cong mini hàm trên 6 lỗ	Chất liệu Titanium. Loại 4lỗ,6,8 lỗ, cong, làm vít 2.0. Có chứng nhận EN ISO 13485:2016 do TÜV SÜD cấp ; EC: 93/42/EEC do TÜV SÜD cấp; FDA. Có trợ cụ tương thích Xuất xứ: Dimeda -Đức	Cái	10	
161	Nẹp Cong mini hàm trên 8 lỗ	Chất liệu Titanium. Loại 4lỗ,6,8 lỗ, cong, làm vít 2.0. Có chứng nhận EN ISO 13485:2016 do TÜV SÜD cấp ; EC: 93/42/EEC do TÜV SÜD cấp; FDA. Có trợ cụ tương thích Xuất xứ: Dimeda -Đức	Cái	10	
162	Nẹp macxi hàm dưới 4 lỗ	Chất liệu Titanium alloy. Loại 4 lỗ, dày 1.5mm. làm vít 2.3. Có chứng nhận EN ISO 13485:2016 do TÜV SÜD cấp ; EC: 93/42/EEC do TÜV SÜD cấp; FDA. Có trợ cụ tương thích. Xuất xứ: Dimeda -Đức	Cái	10	
163	Nẹp macxi hàm dưới 6 lỗ	'Chất liệu Titanium. Loại 6 lỗ, dày 1.5mm. làm vít 2.3. Có chứng nhận EN ISO 13485:2016 do TÜV SÜD cấp ; EC: 93/42/EEC do TÜV SÜD cấp; FDA. Có trợ cụ tương thích. Xuất xứ: Dimeda -Đức	Cái	10	
164	Nẹp góc hàm chữ V 6 lỗ	'Chất liệu Titanium. Loại 6 lỗ, dày 1.5mm. làm vít 2.3, có khoảng cách bắc cầu 5 mm. Có chứng nhận EN ISO 13485:2016 do TÜV SÜD cấp ; EC: 93/42/EEC do TÜV SÜD cấp; FDA. Có trợ cụ tương thích. Xuất xứ: Dimeda -Đức	Cái	5	
165	Vít mini 2.0 các cỡ	'Chất liệu titanium - Vít Ø 2.0 mm: đường kính mũ vít 3.0 mm; đường kính thân vít 2.0 mm, dài 5-17 mm. Làm cho nẹp mini hàm trên - Đầu vít hình chữ thập - Vít tự khoan, tự taro - Đường rãnh trên mũ vít chế tạo đảm bảo không bị nhòe, lỏng khi bắt, không toe đầu vít.	Cái	250	

		- Có chứng nhận EN ISO 13485:2016 do TÜV SÜD cấp ; EC: 93/42/EEC do TÜV SÜD cấp, FDA. Có trợ cụ tương thích. Xuất xứ: Dimeda -Đức			
166	Vít hàm titan 2.3 các cỡ	'Vít 2.3 mm; chất liệu titanium; đường kính mũ vít 3.0 mm; đường kính thân vít 2.3 mm, dài 5,7,9 mm. Làm cho nẹp macxi hàm dưới, đầu vít tự taro, mũ vít hình 4 cạnh. Có chứng nhận EN ISO 13485:2016 do TÜV SÜD cấp ; EC: 93/42/EEC do TÜV SÜD cấp, FDA. Có trợ cụ tương thích. Xuất xứ: Dimeda -Đức	Cái	100	
167	Bộ thuốc thử, chất chuẩn xét nghiệm định lượng Albumin	Bộ thuốc thử, chất chuẩn xét nghiệm định lượng Albumin Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin trên máy sinh hóa; quy cách: R: 4 x 250 mL + Std: 1x2mL; hoá chất đơn; dải đo: 1,6-6 g/dL (16 - 60 g/L) Thành phần gồm: Hóa chất: R - Succinate buffer, pH 4.20 - Bromocresol green: 0.2 mmol/L - Surfactant Chất chuẩn: Std -Albumin: 3.5 g/dL (35 g/L) - Sodium azide: < 0.1% khối lượng/ khối lượng Xuất xứ: Elitech/ Pháp Quy cách đóng gói: R: 4 x 250 ml + Std: 1x2ml	Hộp	6	
168	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ALT	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 5x100ml + R2: 1x127ml; dải đo: 10-450 U/L Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Tris buffer, pH 7.50 -L-alanine: 680 mmol/L -LDH: ≥ 2000 U/L -Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng Hóa chất 2: R2 -Alpha-ketoglutarate: 97 mmol/L	Hộp	12	

		-NADH: 1,1 mmol/L -Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng Xuất xứ: Elitech/ Pháp Quy cách đóng gói: R1: 5x100ml + R2: 1x127ml			
169	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Amylase	Hóa chất xét nghiệm định lượng Amylase trên máy sinh hóa; quy cách: 6 x 50 ml; hoá chất đơn; dải đo: 20-1500 U/L Thành phần gồm: - Good's buffer, pH 6.15 - CNP-G ₃ : 2,27 mmol/L - Sodium azide: <0,1% khối lượng/khối lượng - Cũng chứa calcium và muối chloride, cũng như potassium thiocyanate cho hiệu suất tối ưu Xuất xứ: Elitech/ Pháp	Hộp	2	
170	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AST	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 5x100mL + R2: 1x127mL; dải đo: 10-450 U/L Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Tris buffer, pH 7.8 -L-aspartate: 330 mmol/L -LDH: ≥ 2000 U/L -MDH: ≥ 1000 U/L -Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng Hóa chất 2: R2 -Alpha-ketoglutarate: 78 mmol/L -NADH: 1.1 mmol/L -Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng Xuất xứ: Elitech/ Pháp	Hộp	12	
171	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Bilirubin trực tiếp	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Direct mẫu huyết thanh/huyết tương người trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 1x100mL + R2: 1x25mL; tỉ lệ R2/R1: 1/4; dải đo: 0.08-10.55 mg/dL (1.4-180.4 µmol/L) Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1.	Hộp	5	

		-Sulfanilic acid: 29 mmol/L Hóa chất 2: R2 -Sodium nitrite: 11 mmol/L Xuất xứ: Elitech/ Pháp			
172	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Bilirubin toàn phần	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Total mẫu huyết thanh/huyết tương người trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 2x100mL + R2: 1x50mL; tỉ lệ R2/R1: 1/4; dải đo: 0.25-25 mg/dL (4.3-427.6 μ mol/L) Hóa chất 1: R1. -Sulfanilic acid: 29 mmol/L -Cetrimide: 29 mmol/L Hóa chất 2: R2 -Sodium nitrite: 11 mmol/L Xuất xứ: Elitech/ Pháp	Hộp	5	
173	Bộ thuốc thử, chất chuẩn xét nghiệm định lượng Canxi	Hóa chất xét nghiệm định lượng Calcium Arsenazo trên máy sinh hóa; quy cách: R: 2 x 125 mL + Std: 1x5mL; hoá chất đơn; dải đo: huyết thanh/huyết tương 5-15 mg/dL (1.25-3.74 mmol/L), nước tiểu 1.5-18 mg/dL (0.37-4.49 mmol/L) Thành phần gồm: Hóa chất: R -Good's buffer, pH 6.5 (20-25°C) -Arsenazo III: 200 μ mol/L Chất chuẩn: Std -Calcium: 10 mg/dL Xuất xứ: Elitech/ Pháp	Hộp	2	
174	Bộ thuốc thử, chất chuẩn xét nghiệm định lượng Cholesterol toàn phần	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol trên máy sinh hóa; quy cách: R 6 x 100 ml + std: 1x5 ml; hóa chất đơn; dải đo: 20 - 600 mg/dL (0.52-15.52 mmol/L) Thành phần gồm: Hóa chất: R - Good's buffer, pH 6.7 - Phenol: 24 mmol/L - Cholesterol esterase: $\geq$ 180 U/L	Hộp	2	

		- Cholesterol oxidase : ≥ 200 U/L - Peroxidase : ≥ 1000 U/L - 4-aminoantipyrin (4-AAP): 0.5 mmol/L- Sodium azide: < 0.1% khối lượng/khối lượng Cũng chứa surfactants (chất hoạt động bề mặt) và magnesium salts (muối magie) cho hiệu suất tối ưu. Chất chuẩn: Std - Cholesterol: 200mg/dL Xuất xứ: Elitech/ Pháp			
175	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CK NAC	Hóa chất xét nghiệm định lượng CK NAC trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 2x50mL + R2: 1x26mL; tỉ lệ R2/R1: 1/4; dải đo: 10-1714 U/L Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 - Imidazole buffer, pH 6.10 (20°C) - D-Glucose: 25 mmol/L - NADP: 2.5 mmol/L - Hexokinase: ≥ 6800U/L - Sodium azide: < 0.1% khối lượng/khối lượng Hoá chất 2: R2 - Imidazole buffer, pH 8.9 (20°C) - Creatine phosphate: 250 mmol/L - ADP : 15.2 mmol/L - G-6-PDH: ≥ 8800 U/L - Sodium azide: < 0.1% khối lượng/khối lượng Cũng chứa các muối magie, N-Acetyl-L-Cysteine, EDTA, Diadenosine pentaphosphate và AMP cho hiệu suất tối ưu Xuất xứ: Elitech/ Pháp	Hộp	2	
176	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CK-MB	Hóa chất xét nghiệm định lượng CK-MB trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 2x50mL + R2: 1x26mL; tỉ lệ R2/R1: 1/4; dải đo: 10-600 U/L Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 - Imidazole buffer, pH 6.1 (20°C)	Hộp	2	

		- D-Glucose: 25 mmol/L - NADP: 2,5 mmol/L - Hexokinase : ≥ 6800 U/L - Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng Nồng độ kháng thể Anti-CK-M có trong R1 đủ để ức chế 2000 U/L CK-M ở 37°C Hóa chất 2: R2 - Imidazole buffer, pH 8.9 (20°C) - Creatinine phosphate: 250 mmol/L - ADP: 15,2 mmol/L - Diadenosine pentaphosphate: 103 mmol/L - G-6-PDH: ≥ 8800 U/L - Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng Cũng chứa các muối magie, N-acetyl-L-cystein, EDTA, Diadenosine pentaphosphate và AMP cho hiệu suất tối ưu Xuất xứ: Elitech/ Pháp			
177	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng CK-MB	Hoá chất kiểm chuẩn, kiểm tra chất lượng xét nghiệm CK-MB; quy cách: 4 x 3 mL/hộp Thành phần: Sản phẩm đông khô được chuẩn bị từ huyết thanh người và CK-MB người Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng Xuất xứ: Elitech/ Pháp	Hộp	2	
178	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatinine	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine mẫu huyết thanh người trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 1x125ml + R2: 1x125ml + Std: 1x5ml; tỉ lệ R2/R1: 1/1; dải đo: 0.5-15 mg/dL (44-1326 $\mu\text{mol/L}$) Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 - Picric acid 8.73 mmol/L Hóa chất 2: R2 - Sodium hydroxide: 0.31 mol/L - Díodium phosphate 12.5 mmol/L Chất chuẩn: Std - Creatinine: 2 mg/dL (177$\mu\text{mol/L}$)	Hộp	13	

		Xuất xứ: Elitech/ Pháp			
179	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Gamma-GT	Hóa chất xét nghiệm định lượng Gamma-GT trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 4x50ml + R2: 2x26ml; tỉ lệ R2/R1: 1/4; dải đo: 15-1200 U/L Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 - Glycylglycine, pH 7,70 (37°C): 138 mmol/L - Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng Hóa chất 2: R2 - GLUPA-C: 23 mmol/L - Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng Xuất xứ: Elitech/ Pháp	Hộp	3	
180	Bộ thuốc thử, chất chuẩn xét nghiệm định lượng Glucose	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose trên máy sinh hóa; quy cách: R: 6 x 100 ml + Std: 1x5 ml; hoá chất đơn; dải đo: 20-400 mg/dL (1.11 - 22.20 mmol/L) Thành phần gồm: Hóa chất: R - Phosphate buffer, pH 7.4 - Phenol: 10 mmol/L - 4-aminoantipyrin: 0.3 mmol/L - Peroxidase: ≥ 700 U/L - Glucose oxidase: ≥ 10000 U/L - Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng Chất chuẩn Std - D-glucose: 100 mg/dL (5.55 mmol/L) Xuất xứ: Elitech/ Pháp	Hộp	13	
181	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HDL Cholestero	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol HDL trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 2x90ml + R2: 1x60ml; tỉ lệ R2/R1: 1/3; dải đo: 5 - 200 mg/dL (0.13-5.17 mmol/L) Thành phần gồm: Hoá chất 1: R1 -Buffer, pH 6.85	Hộp	2	

		-N-(2-Hydroxy-3-sulfopropyl)-3,5-dimethoxyaniline sodium salt (HDAOS): ≥ 0.5 mmol/L -Peroxidase: ≥ 8000 U/L -Cũng chứa các hợp chất photpho vô cơ và hữu cơ Hoá chất 2: R2 -Buffer, pH 8.15 -Cholesterol Oxidase: ≥ 2000 U/L -Cholesterol Esterase: ≥ 180 U/L -Peroxidase: ≥ 15000 U/L -4-aminoantipyrine: ≥ 2 mmol/L -Surfactant: 0.6 % -Sodium azide: < 0.1 % Cũng chứa ascorbate oxidase cho hiệu suất tối ưu Xuất xứ: Elitech/ Pháp			
182	Thuốc thử xét nghiệm định lượng LDL Cholesterol	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol LDL trên máy sinh hóa; quy cách: R1: R1: 4x21ml + R2: 2x14ml; tỉ lệ R2/R1: 1/3; dải đo: 15 - 600 mg/dL (0.39-15.52 mmol/L) Thành phần gồm: Hoá chất 1: R1 -Buffer, pH 6.85 -N-(2-Hydroxy-3-sulfopropyl)-3,5-dimethoxyaniline sodium salt (HDAOS): ≥ 0.5 mmol/L -Peroxidase: ≥ 5000 U/L -Các hợp chất photpho vô cơ và hữu cơ -Surfactant: 1% Hoá chất 2: R2 -Buffer, pH 8.15 -Cholesterol Oxidase: ≥ 2000 U/L -Cholesterol Esterase: ≥ 2000 U/L -Peroxidase: ≥ 20000 U/L -4-aminoantipyrine (4-AA): ≥ 2 mmol/L -Surfactant: 0.025 % -Sodium azide: < 0.1 % Cũng chứa ascorbate oxidase để có hiệu suất tối ưu	Hộp	2	

183	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HDL	Cholesterol, LDL Cholesterol Hoá chất hiệu chuẩn HDL và LDL Cholesterol; Quy cách: 4 x 1mL/hộp Thành phần: Huyết thanh người đông khô Xuất xứ: Elitech/ Pháp	Hộp	2	
184	Bộ thuốc thử, chất chuẩn xét nghiệm định lượng Sắt	Hóa chất định lượng sắt huyết thanh trên máy sinh hoá. Phương pháp đo màu Ferene - đo điểm cuối; quy cách: R1 2x100mL, R2 1x50ml, Std: 1x5ml; Dải đo: 20-1000µg/dL (3.6-179.1µmol/L) Thành phần: Hóa chất R1: - Acetate buffer (pH 4.5): 1 mol/L Hóa chất R2: - Ferene: 3 mmol/L - Ascorbic acid: 240 mmol/L Cũng chứa thiourea có hiệu suất tối ưu Chất chuẩn: Std - Iron (Sắt) 100 µg/dL (17.9 µmol/L) Xuất xứ: Elitech/ Pháp	Hộp	2	
185	Thuốc thử xét nghiệm định lượng LDH	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol LDL trên máy sinh hóa; quy cách: R1: R1: 4x21ml + R2: 2x14ml; tỉ lệ R2/R1: 1/3; dải đo: 15 - 600 mg/dL (0.39-15.52 mmol/L) Thành phần gồm: Hoá chất 1: R1 -Buffer, pH 6.85 -N-(2-Hydroxy-3-sulfopropyl)-3,5-dimethoxyaniline sodium salt (HDAOS): ≥ 0.5 mmol/L -Peroxidase: ≥ 5000 U/L -Các hợp chất photpho vô cơ và hữu cơ -Surfactant: 1% Hoá chất 2: R2 -Buffer, pH 8.15 -Cholesterol Oxidase: ≥ 2000 U/L -Cholesterol Esterase: ≥ 2000 U/L	Hộp	2	

		-Peroxidase: ≥ 20000 U/L -4-aminoantipyrine (4-AA): ≥ 2 mmol/L -Surfactant: 0.025 % -Sodium azide: < 0.1 % (p/p) Cũng chứa ascorbate oxidase để có hiệu suất tối ưu Xuất xứ: Elitech/ Pháp			
186	Hóa chất định lượng Total bilirubin	Hóa chất định lượng Bilirubin toàn phần / Phương pháp đo Enzymatic; dải đo 0.01~30 mg/dL. Hộp (1x60 mL+1x20 mL) shelf-life 18 tháng Tiêu chuẩn kỹ thuật EN ISO 13485:2016 Thành phần hoạt chất: R1: Cholic acid; Ascorbate oxidase R2: Tartaric Acid, Bilirubin Oxidase (BOD) Xuất xứ: UMA Co., Ltd/Nhật Bản	Hộp	2	
187	Hóa chất định lượng Direct bilirubin	Hóa chất định lượng Bilirubin trực tiếp / Phương pháp đo Enzymatic; dải đo 1 ~ 25 mg/dL. Hộp (1x60 mL + 1x20 mL) shelf-life 18 tháng Tiêu chuẩn kỹ thuật EN ISO 13485:2016 Thành phần hoạt chất: R1: Citric acid - lactic acid buffer R2: Bilirubin Oxidase (BOD) Xuất xứ: UMA Co., Ltd/Nhật Bản	Hộp	1	
188	Hóa chất định lượng Total Protein	Hóa chất định lượng Protein toàn phần / phương pháp đo CuSO ₄ ; dải đo 0.1 ~ 15.0 g/dL. Hộp (5x30 mL +5x18 mL) shelf-life 24 tháng Tiêu chuẩn kỹ thuật EN ISO 13485:2016 Thành phần hoạt chất: R1: Buffer solution R2: Copper(II) Sulfate Solution Xuất xứ: UMA Co., Ltd/Nhật Bản	Hộp	1	
189	Hóa chất định lượng Acid uric	Hóa chất định lượng Uric Acid / Phương pháp đo Uricase/POD; dải đo 0.1~20 mg/dL. Hộp $\geq$ (5x60 mL + 5x20 mL) shelf-life 24 tháng Tiêu chuẩn kỹ thuật EN ISO 13485:2016 Thành phần hoạt chất: R1: N-(2—hydroxy-3-sulfopropyl)-3,5- dimethylanilin sodium (HDAOS); Ascorbate oxidase (AOD); Peroxidase R2: Uricase; Peroxidase (POD); 4-Aminoantipyrine (4-AA) Xuất xứ: UMA Co., Ltd/Nhật Bản	Hộp	1	

190	Hóa chất định lượng Urea	Hóa chất định lượng Urea / phương pháp đo Uriase/GLDH ; dải đo 1~200 mg/dL. Hộp (5x60 mL + 5x20 mL) shelf-life 18 tháng Tiêu chuẩn kỹ thuật EN ISO 13485:2016 Thành phần hoạt chất: R1: Glutamate dehydrogenase (GLDH); α -Ketoglutaric acid (α -KG); β -Nicotinamide-adenine dinucleotide phosphate (reduced form) sodium (β -NADPH) R2: Urease; α -Ketoglutaric acid (α -KG) Xuất xứ: UMA Co., Ltd/Nhật Bản	Hộp	5	
191	Hóa chất chuẩn cho các xét nghiệm thường quy	Hóa chất chuẩn cho các xét nghiệm thường quy / Lọ 5 mL shelf-life 18 tháng Tiêu chuẩn kỹ thuật EN ISO 13485:2016 Thành phần hoạt chất: Huyết thanh người ổn định hóa và đông khô	Lọ	2	
192	Hóa chất dùng nội kiểm tra cho các xét nghiệm thường quy mức thấp	Chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa L1 / Huyết thanh mẫu dùng làm nội kiểm chuẩn được điều chế từ huyết thanh người ổn định hóa và đông khô. Có giá trị đo cho các xét nghiệm hóa sinh so màu, bộ mỡ, bộ tuyến giáp, nội tiết tố sinh sản. Lọ 5 mL; shelf-life 18 tháng Tiêu chuẩn kỹ thuật EN ISO 13485:2016 Thành phần hoạt chất: Huyết thanh người ổn định hóa và đông khô Xuất xứ: UMA Co., Ltd/Nhật Bản	Lọ	2	
193	Hóa chất dùng nội kiểm tra cho các xét nghiệm thường quy mức cao	Chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa L2 / Huyết thanh mẫu dùng làm nội kiểm chuẩn được điều chế từ huyết thanh người ổn định hóa và đông khô. Có giá trị đo cho các xét nghiệm hóa sinh so màu, bộ mỡ, bộ tuyến giáp, nội tiết tố sinh sản. Lọ 5 mL; shelf-life 18 tháng Tiêu chuẩn kỹ thuật EN ISO 13485:2016 Thành phần hoạt chất: Huyết thanh người ổn định hóa và đông khô Xuất xứ: UMA Co., Ltd/Nhật Bản	Lọ	2	
194	Hóa chất định lượng CRP	Hóa chất định lượng CRP / Phương pháp đo Latex turbidity; dải đo 0.03 ~32 mg/dL. Hộp (1x60 mL+1x60 mL) shelf-life 12 tháng Tiêu chuẩn kỹ thuật EN ISO 13485:2016 Thành phần hoạt chất: R1: Saline Buffer R2: anti-human CRP rabbit antibody sensitized latex Xuất xứ: UMA Co., Ltd/Nhật Bản	Hộp	12	

195	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm CRP	Hóa chất dùng tạo đường chuẩn cho xét nghiệm CRP, với 6 mức khác nhau, 1mL/nồng độ Hộp (6x1 mL) shelf-life 18 tháng Tiêu chuẩn kỹ thuật EN ISO 13485:2016. Thành phần hoạt chất: Huyết thanh người ổn định hóa Xuất xứ: UMA Co., Ltd/Nhật Bản	Hộp	2	
196	Hóa chất dùng nội kiểm tra cho xét nghiệm CRP 2 mức (thấp, cao)	Mẫu huyết thanh dùng nội kiểm tra cho xét nghiệm CRP, với 2 mức Low/High, 1mL/nồng độ. Được điều chế từ huyết thanh người đông khô là làm ổn định Hộp (2x1 mL) shelf-life 18 tháng Tiêu chuẩn kỹ thuật EN ISO 13485:2016 Thành phần hoạt chất: Huyết thanh người ổn định hóa Xuất xứ: UMA Co., Ltd/Nhật Bản	Hộp	2	
197	Hóa chất định lượng sắt	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Iron Dải đo: 4.9 – 1000 µg/dL Phương pháp: Ferrozine Quy cách: 4x27ml+4x27ml/Hộp. Tỷ lệ R1&R2: 1+1 Thành phần : Thuốc thử 1 (R1): Acetate buffer (pH 4.5): 100 mM Thiourea: 210 mM Hydroxylamine salt: 350 mM Thuốc thử 2(R2): Acetate buffer (pH 4.5): 100 mM Ferrozine: 6 mM Tiêu chuẩn: ISO 13485. Xuất xứ: Medicon Hellas S.A/Hy Lạp	Hộp	1	
198	Hóa chất định lượng calci	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Calcium Dải đo: 0.01-16 mg/dL . Phương pháp: Arsenazo Quy cách: 4x30mL/Hộp Thành phần : MES buffer (pH 6.5): 100 mmol/L	Hộp	1	

		Arsenazo III: 1.5 mmol/L Chất bảo quản, chất không hoạt tính Tiêu chuẩn: ISO 13485. Xuất xứ: Medicon Hellas S.A/Hy Lạp			
		Hóa chất vật tư dùng cho máy sinh hoá			
199	Hóa chất xét nghiệm nồng độ ethanol trong máu	, quy cách 4x20ml/2x10ml Hóa chất xét nghiệm nồng độ ethanol trong máu Xuất xứ: Diasys/ Đức	Hộp	4	
200	Hóa chất chuẩn xét nghiệm ethanol	mức 0,5 mg/ml; quy cách 10 x 1ml Hóa chất chuẩn xét nghiệm ethanol mức 0,5 mg/ml; Xuất xứ: Diasys/ Đức	Hộp	4	
201	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm ethanol,	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm ethanol, quy cách 10 x 1ml TruLab Ethanol (0,8 mg/ml) Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm ethanol Xuất xứ: Diasys/ Đức	Hộp	4	
		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng 7 thông số			
202	Bộ thuốc thử, chất chuẩn xét nghiệm định lượng Protein toàn phần	Hóa chất xét nghiệm định lượng Protein toàn phần trong huyết tương/ huyết thanh người trên máy sinh hóa; quy cách: R: 2x125mL + Std: 1x5mL; Dải đo: 0.2-12 g/dL (2-120 g/L) Thành phần gồm: Hóa chất: R -Copper sulfate: 6 mmol/L -Sodium hydroxide: 490 mmol/L Cũng chứa iodide và muối tartrate cho hiệu suất tối ưu Chất chuẩn: Std -Albumin 6 g/dL -Sodium azide: <0.1% Xuất xứ: Elitech/ Pháp	Hộp	10	

203		Bộ thuốc thử, chất chuẩn xét nghiệm định lượng Triglycerides *Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerides trong huyết tương/huyết thanh người trên máy xét nghiệm hóa sinh * Dải đo 30-1000 mg/dL (0.34-11.30 mmol/L) *Quy cách: R 4x250mL + Std 1x5mL *Thành phần: Hóa chất R - Good's buffer, pH 7.0 - P- chlorophenol: 2.7 mmol/L - ATP: 3.15 mmol/L - Amino- 4- antipyrine: 0.31 mmol/L - Lipoprotein lipase: ≥ 2000 U/L - Glycerol kinase: ≥ 500 U/L - Glycerol- 3- phosphate oxidase: ≥ 4000 U/L - Peroxidase: ≥ 500 U/L - Sodium azide: $<0.1\%$ Cũng chứa muối magie, FAD và surfactants cho hiệu suất tối ưu Chất chuẩn: Std - Glycerol (tương tự triglycerides) 200 mg/dL - Sodium azide: $<0.1\%$ Xuất xứ: Elitech/ Pháp	Hộp	2	
204	Bộ thuốc thử, chất chuẩn xét nghiệm định lượng Urea	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea trong huyết tương/ huyết thanh và nước tiểu người trên máy sinh hóa Quy cách R1: 5x100mL + R2: 1x127mL + Std: 1x5mL; tỉ lệ R2/R1: 1/4; Dải đo: huyết thanh/huyết tương 10-300 mg/dL (1.67-49.95 mmol/L), nước tiểu 200-6000 mg/dL (33-999 mmol/L) Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Tris buffer, pH 7.60 (37°C) -Anpha-Ketoglutarate: 9 mmol/L -Urease: ≥ 8100 U/L	Hộp	8	

		-GIDH: ≥ 1350 U/L -Sodium azide: $<0.1\%$ Hóa chất 2: R2 -NADH: 1.3 mmol/L -Sodium azide: $<0.1\%$ Chất chuẩn: - Urea: 50 mg/dL (8.33 mmol/L) Xuất xứ: Elitech/ Pháp			
205	Bộ thuốc thử, chất chuẩn xét nghiệm định lượng Acid uric	*Hóa chất xét nghiệm định lượng acid Uric trong huyết tương/ huyết thanh và nước tiểu người trên máy xét nghiệm hóa sinh. *Dải đo: Huyết thanh/huyết tương: 1.5-25 mg/dL; Nước tiểu: 5-250 mg/dL * Quy cách: 6x100ml + Std: 1x5ml *Thành phần: Hóa chất R: - Buffer, pH 7.0 (20-25°C) - EHSPT: 0.72 mmol/L - Amino- 4- antipyrine: 0.37 mmol/L - Uricase: ≥ 150 U/L - Peroxidase: ≥ 12000 U/L - Sodium azide: $<0.1\%$ Chất chuẩn Std: - Uric acid: 6 mg/dL (357 $\mu\text{mol/L}$) - Sodium azide: $<0.5\%$ Xuất xứ: Elitech/ Pháp	Hộp	1	
206		Thuốc thử xét nghiệm định lượng CRP *Hóa chất xét nghiệm định lượng C-reactive protein (CRP) trong huyết tương người trên máy xét nghiệm sinh hóa *Dải đo 5-190 mg/L (0.5-19 mg/dL) *Quy cách: R1: 2x25ml + R2: 1x5ml *Thành phần: Hóa chất R1:	Hộp	15	

		- Buffer: pH 7.43 - Accelerator - Sodium Azide: < 0.1% Hóa chất R2: - Buffer: pH 7.43 - Kháng thể đa dòng kháng CRP (dê) - Sodium azide: <0.1% Xuất xứ: Elitech/ Pháp			
207	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CRP	*Hoá chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng C-reactive protein (CRP). *Quy cách: 5 x1ml *Thành phần: Dạng lỏng, từ huyết tương người chứa CRP người tái tổ hợp. - Sodium Azide: <0.1% (khối lượng/ khối lượng) - Nồng độ protein phản ứng C (CRP) cụ thể cho từng lô. Xuất xứ: Elitech/ Pháp	Hộp	5	
208	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng CRP	*Hoá chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng C-reactive protein (CRP). *Quy cách: 2x1ml *Thành phần: Dạng lỏng, từ huyết tương người chứa CRP người tái tổ hợp. - Sodium Azide: <0.1% (khối lượng/ khối lượng) - Nồng độ protein phản ứng C (CRP) cụ thể cho từng lô. Xuất xứ: Elitech/ Pháp	Hộp	5	
209	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng CRP	*Hoá chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng C-reactive protein (CRP). *Quy cách: 2x1ml *Thành phần: Dạng lỏng, từ huyết tương người chứa CRP người tái tổ hợp. - Sodium Azide: <0.1% (khối lượng/ khối lượng) - Nồng độ protein phản ứng C (CRP) cụ thể cho từng lô. Xuất xứ: Elitech/ Pháp	Hộp	5	
210		Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng CRP, RF, ASLO Hóa chất kiểm chuẩn dùng cho các xét nghiệm liệt kê trong Bảng giá trị đi kèm, bao gồm xét nghiệm định lượng các yếu tố dạng thấp Rheumatoid Factors) dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa;	Hộp	4	

		* Quy cách: 2x1mL * Thành phần: - Sản phẩm đông khô từ huyết thanh người - Sodium azide <0.1% (khối lượng/ khối lượng) - Nồng độ cho từng chất phân tích để kiểm tra là đặc hiệu cho từng lô. Xuất xứ: Elitech/ Pháp			
211	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng CRP, RF, ASLO	Hóa chất kiểm chuẩn dùng cho các xét nghiệm liệt kê trong Bảng giá trị đi kèm, bao gồm xét nghiệm định lượng các yếu tố dạng thấp Rheumatoid Factors) dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa; * Quy cách: 2x1mL * Thành phần: - Sản phẩm đông khô từ huyết thanh người - Sodium azide <0.1% (khối lượng/ khối lượng) - Nồng độ cho từng chất phân tích để kiểm tra là đặc hiệu cho từng lô. Xuất xứ: Elitech/ Pháp	Hộp	4	
212	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Ferritin	Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Ferritin trong huyết tương/ huyết thanh người trên máy xét nghiệm sinh hóa. *Quy cách: R1: 2x20 mL + R2: 2x5 mL *Dải đo: 10-600 ng/mL *Thành phần hóa chất: Hóa chất R1: - Buffer, pH 8.2 - ProClin 950: 0.1% (khối lượng/ khối lượng) Hóa chất R2 - Các hạt latex được bọc bởi kháng thể kháng ferritin người - ProClin 950: 0.1% (khối lượng/ khối lượng) - pH 8.2 Xuất xứ: Elitech/ Pháp	Hộp	2	
213	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Ferritin trong huyết tương/ huyết thanh người trên máy xét nghiệm sinh hóa.	Hộp	2	

	Ferritin	*Quy cách: 2x3 mL *Thành phần: - Sản phẩm đông khô từ huyết thanh người và chứa ferritin người - Nồng độ Ferritin cụ thể theo lô Xuất xứ: Elitech/ Pháp			
214	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Cholinesterase	Hóa chất xét nghiệm định lượng cholinesterase trên các mẫu huyết thanh và huyết tương người trên máy phân tích sinh hóa Quy cách: R1 : 2 x 8 mL + R2 : 1 x 5 mL Dải đo: 300-20 000 U/L (5.0-333.3 µkat/L) Hóa chất R1: - Pyrophosphate buffer, pH 7.65 (20°C): 95 mmol/L - Potassium hexacyanoferrate: 2.54 mmol/L Hóa chất R2: - Butyrylthiocholine: 38 mmol/L Xuất xứ: Elitech/ Pháp	Hộp	2	
215	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng các thông số sinh hóa	Hoá chất kiểm chuẩn cho kết quả xét nghiệm bình thường cho các xét nghiệm hóa sinh liệt kê trong bảng giá trị đi kèm; Quy cách: 10 x 5 ml/hộp Thành phần: - Huyết thanh người đông khô có sử dụng các chất phụ gia hóa học/ sinh học. - Nồng độ của từng chất phân tích để kiểm tra cụ thể theo từng lô. Xuất xứ: Elitech/ Pháp	Hộp	2	
216	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng các thông số sinh hóa	Hoá chất kiểm chuẩn cho kết quả xét nghiệm bình thường cho các xét nghiệm hóa sinh liệt kê trong bảng giá trị đi kèm; Quy cách: 10 x 5 ml/hộp Thành phần: - Huyết thanh người đông khô có sử dụng các chất phụ gia hóa học/ sinh học. - Nồng độ của từng chất phân tích để kiểm tra cụ thể theo từng lô. Xuất xứ: Elitech/ Pháp	Hộp	2	
		Chất chuẩn xét nghiệm định lượng các thông số sinh hóa			

217	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Dung dịch dùng để rửa kim và cuvette của máy xét nghiệm hóa sinh. Quy cách: SOL : 1 x 1 L Thành phần: - Sodium azide < 0.1 % (khối lượng/ khối lượng) - Cũng chứa chất hoạt động bề mặt. Xuất xứ: Elitech/ Pháp	Chai	36	
218	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	*Dung dịch rửa, làm sạch kim hút bệnh phẩm/ hóa chất, mixer và cuvettes của máy xét nghiệm sinh hóa tự động *Thành phần: KOH, chất hoạt động bề mặt không ion, chất hoạt động bề mặt polyanionic, chất đệm và chất ổn định. Xuất xứ: Mindray/ Trung Quốc	Can	36	
219	Cuvet nhựa dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Cuvet phản ứng bằng nhựa dùng nhiều lần cho máy xét nghiệm sinh hóa Xuất xứ: Mindray/ Trung Quốc	Cái	2	
220	Bóng đèn dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Bóng đèn 20W dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa Xuất xứ: Mindray/ Trung Quốc	Cái	4	
221	IVD đệm dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Dung dịch đệm, dùng cho mô đun điện giải ISE máy sinh hoá BS-800 Xuất xứ: Mindray/ Trung Quốc	Chai	5	
222	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	*Dung dịch rửa, làm sạch kim hút bệnh phẩm/ hóa chất, mixer và cuvettes của máy xét nghiệm sinh hóa tự động *Thành phần: KOH, chất hoạt động bề mặt không ion, chất hoạt động bề mặt polyanionic, chất đệm và chất ổn định. Xuất xứ: Mindray/ Trung Quốc	Can	10	
		Hóa chất cho máy huyết học ABX Micros 60			

223	IVD pha loãng dùng cho máy xét nghiệm huyết học	THÀNH PHẦN HOẠT CHẤT Sodium Sulphate Anhydrous $\leq 1.0\%$ Sodium Chloride $\leq 0.5\%$ Buffering Agents $\leq 0.2\%$ Anti-Microbial Agents $\leq 0.25\%$ Xuất xứ: NeoMedica /Serbia	Thùng	10	
224	IVD rửa dùng cho máy huyết học	THÀNH PHẦN HOẠT CHẤT Surfactant $\leq 0.5 \%$ Proteolytic enzyme $\leq 0.5 \%$ Sodium chloride $\leq 1.0 \%$ Xuất xứ: NeoMedica /Serbia	Chai	10	
225	IVD ly giải dùng cho máy xét nghiệm huyết học	THÀNH PHẦN HOẠT CHẤT Quaternary Ammonium Salt $\leq 3.5\%$ Surfactant $\leq 0.5\%$ Buffer $\leq 0.5 \%$ Xuất xứ: NeoMedica /Serbia	Chai	7	
226	IVD rửa dùng cho máy huyết học	THÀNH PHẦN HOẠT CHẤT Sodium hipohlorat $\leq 10 \%$ Sodium hidroksid $\leq 5 \%$ Xuất xứ: NeoMedica /Serbia	Lọ	2	
227	Chất chuẩn xét nghiệm huyết học	*Chất hiệu chuẩn sử dụng trong hiệu chuẩn máy phân tích huyết học *Là một chế phẩm máu toàn phần, ổn định có thể được sử dụng để xác minh và điều chỉnh việc hiệu chuẩn các thiết bị huyết học *Hóa chất bao gồm: erythrocyte người, leukocyte động vật có vú và tiểu cầu động vật có vú trong chất lỏng giống huyết tương cùng chất bảo quản. Xuất xứ: R&D Systems, Inc/Mỹ	Lọ	2	
		Hoá chất sử dụng cho máy huyết học tự động BC-6000			
228	IVD pha loãng dùng cho máy xét nghiệm	*DS DILUENT tham gia đo các thông số liên quan đến RBC, PLT, WBC, RET và NRBC, tương thích dùng cho máy huyết học tự động BC-6000/BC-6000Plus/BC-6100/BC-	Thùng	20	

	huyết học	6100Plus/BC-6200/ BC-6600Plus/BC-6700Plus/BC-6800Plus hãng Mindray. Quy cách: 20L x 1 *Thành phần: Borate Buffert: $\leq 0.5\%$ Sodium Chloride: $\leq 0.1\%$ Xuất xứ: Mindray/Trung Quốc			
229	IVD ly giải dùng cho máy xét nghiệm huyết học	*M-6LD LYSE tham gia quá trình phân biệt thành phần bạch cầu trong kênh DIFF cùng với M-6FD DYE dùng cho máy huyết học tự động BC-6000/BC-6000Plus/BC-6100/BC-6100Plus/BC-6200/ BC-6600Plus/BC-6700Plus/BC-6800Plus hãng Mindray Quy cách: 1L×4 *Thành phần: Surfactant: $\leq 0.5\%$ Hepes Buffer: $\leq 0.5\%$ Xuất xứ: Mindray/Trung Quốc	Hộp	7	
230	IVD nhuộm tế bào dùng cho máy xét nghiệm huyết học	*M-6FD DYE tham gia quá trình phân biệt thành phần bạch cầu trong kênh DIFF cùng với M-6LD LYSE dùng cho máy huyết học tự động BC-6000/BC-6000Plus/BC-6100/BC-6100Plus/BC-6200/ BC-6600Plus/BC-6700Plus/BC-6800Plus hãng Mindray. Quy cách: 12mL×4. *Thành phần: Fluorochrome: $\leq 0.01\%$ Ethylene Glycol: 94-99 % Xuất xứ: Mindray/Trung Quốc	Hộp	7	
231	IVD ly giải dùng cho máy xét nghiệm huyết học	*M-6LH LYSE tham gia vào việc đo các thông số liên quan đến hemoglobin, tương thích dùng cho máy huyết học tự động BC-6000/BC-6000Plus/BC-6100/BC-6100Plus/BC-6200/BC-6600Plus/BC-6700Plus/BC-6800Plus hãng Mindray Quy cách: 1L×4 *Thành phần: Surfactant: $\leq 0.5\%$ Borate Buffer: $\leq 0.5\%$ Xuất xứ: Mindray/Trung Quốc	Hộp	7	

232	IVD ly giải dùng cho máy xét nghiệm huyết học	*M-6LN LYSE tham gia vào việc đo lường các thông số liên quan đến NRBC cùng với M-6FN DYE tương thích dùng cho máy huyết học tự động BC-6000/BC-6000Plus/BC-6100/BC-6100Plus/BC-6200/ BC-6600Plus/BC-6700Plus/BC-6800Plus hãng Mindray,. Quy cách: 1L×4 *Thành phần: Citrate Buffer: ≤ 0.5% Sodium Chloride: 0.10% Surfactant: 0.10% Xuất xứ: Mindray/Trung Quốc	Hộp	7	
233	IVD nhuộm tế bào dùng cho máy xét nghiệm huyết học	*M-6FN DYE tham gia vào việc đo lường các thông số liên quan đến NRBC cùng với M-6LN LYSE tương thích dùng cho máy huyết học tự động BC-6000/BC-6000Plus/BC-6100/BC-6100Plus/BC-6200/ BC-6600Plus/BC-6700Plus/BC-6800Plus hãng Mindray. Quy cách: 12mL×4 *Thành phần: Fluorochrome: ≤ 0.01% Ethylene Glycol: 94-99 % Xuất xứ: Mindray/Trung Quốc	Hộp	7	
234		IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm huyết học Dung dịch rửa máy dùng cho các máy xét nghiệm huyết học Mindray Quy cách: 50ml x 1 Thành phần gồm: - Surfactant: ≤0.2% - Sodium hypochlorous : ≤12% - Sodium hydroxide: ≤5% Xuất xứ: Mindray/Trung Quốc	Hộp	30	
235	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng các thông số huyết học	SC-CAL PLUS Hematology Calibrator là dung dịch hiệu chuẩn, dùng để xây dựng các đường hiệu chuẩn cho việc định lượng các thành phần huyết học, dùng cho máy xét nghiệm huyết học tự động; Quy cách: 3ml *Thành phần: hồng cầu người, bạch cầu và tiểu cầu động vật có vú, chất ổn định và bảo quản trong một dung dịch mô phỏng huyết tương người.	Lọ	20	

		Xuất xứ: Mindray/Trung Quốc			
236	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng các thông số huyết học	Hoá chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm đếm tế bào máu *Thành phần: hồng cầu người, bạch cầu và tiểu cầu động vật có vú, chất ổn định và bảo quản trong một dung dịch tương tự huyết tương. Xuất xứ: Mindray/Trung Quốc	Lọ	20	
237	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng các thông số huyết học	Hoá chất kiểm chuẩn xét nghiệm hồng cầu lưới *Thành phần: tế bào của người và lợn, chất ổn định và bảo quản trong một dung dịch tương tự huyết tương. Xuất xứ: Mindray/Trung Quốc	Lọ	20	
		Hoá chất sử dụng cho máy huyết học ABX MICROS 60			
238	Dung dịch pha loãng	Hoá chất pha loãng dùng cho máy huyết học Thành phần: Organic buffer < 0,1 % Sodium salts < 1,0 % Natrium azide < 0,05 % Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485 Xuất xứ: SFRI SAS/ PHÁP	Hộp	20	
239	Dung dịch rửa	Hoá chất rửa thường quy dùng cho máy huyết học Thành phần: Organic buffer < 0,5 % Sodium salts < 2,0 % Proteolytic enzyme < 0,5% Preservative < 0,05 % Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485	Hộp	20	
240	Dung dịch ly giải	Hoá chất ly giải hồng cầu, giải phóng HGB. Thành phần: Ammonium salts < 3,0 %	Hộp	15	

		Potassium cyanide < 0,05 % Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO13485 Xuất xứ: SFRI SAS/ PHÁP Quy cách: Chai 1 lit			
241	Dung dịch rửa đậm đặc	Dung dịch rửa đậm đặc, dùng trong các trường hợp đặc biệt. Sodium hypochlorite < 4.0% vừa đủ 500ml Đạt tiêu chuẩn Iso 13485 Xuất xứ: SFRI SAS/ PHÁP Quy cách: Chai 0,5 lit	Hộp	2	
242	Hóa chất kiểm chuẩn dùng cho máy phân tích huyết học	Dùng cho kiểm chuẩn máy huyết học 3 thành phần Bạch cầu Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO 13485 Xuất xứ: SFRI SAS/ PHÁP Quy cách: Lọ 3ml	Hộp	3	
		Hoá chất vật tư dùng cho máy đông máu			
243	Thuốc thử xét nghiệm Prothrombin Time	THROMBOPLASTIN-SI (PT-SI) dùng để xác định Prothrombin Time (PT) bằng phương pháp thủ công hoặc tự động. PT-SI có thể được sử dụng để xét nghiệm các yếu tố đông máu trong các con đường đông máu ngoại sinh và con đường chung. Thành phần gồm có: - Hoá chất Thromboplastin (dạng đông khô) chứa Chiết xuất não thỏ > 10%, Sodium azide < 0,01% - Đệm CaCl ₂ , Sodium azide < 0,01% Độ ổn định: 12 ngày ở 2-8°C, 1 ngày ở 20-25°C. Xuất xứ: Human/ Đức	Hộp	12	
244	Thuốc thử xét nghiệm APTT	Bộ hóa chất xét nghiệm aPTT sử dụng chất hoạt hóa axit Ellagic, dùng để xác định thời gian Thromboplastin một phần hoạt hóa (aPTT) bằng phương pháp thủ công và tự động. Thành phần gồm có: - Hoá chất 1 (6x4ml): Hóa chất aPTT-EL: Cephalin não thỏ < 1.0%, ellagic acid, sodium azide < 0,01%; - Hóa chất 2 (6x4ml): Dung dịch CaCl ₂ 0,02 mol/l, sodium azide < 0,01%, muối và chất ổn định.	Hộp	4	

		Độ ổn định 14 ngày ở 2-8°C, 7 ngày ở 20-25°C. Xuất xứ: Human/ Đức			
245	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Fibrinogen	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen dùng xác định Fibrinogen trong huyết tương bằng phương pháp thủ công và tự động. Thành phần gồm có: - Hóa chất Fibrinogen dạng đông khô 5x2ml, thành phần: thrombin người 80 - 100 IU/ml, sodium azide < 0,01%. - Dung dịch đệm Imidazole Buffered Saline 1x100mL, pH 7.4 ± 0.2, thành phần: imidazole 0,05mol/l, đệm và chất ổn định. - Chất chuẩn: Fibrinogen huyết tương tham chiếu (dạng đông khô) 2x1mL, thành phần: huyết thanh người, sodium azide < 0,01%. Khi được bảo quản ở 2-8 °C, lọ chưa mở sẽ ổn định cho đến hết hạn sử dụng. Sau hoàn nguyên hóa chất ổn định 7 ngày ở 2-8°C. Xuất xứ: Human/ Đức	Hộp	8	
246	Thuốc thử xét nghiệm định lượng D-Dimer	HUMAN HEMOSTAT D-DIMER là một xét nghiệm dùng để xác định định lượng D-dimer trong huyết tương chống đông bằng citrate. Thành phần gồm có: - Hóa chất D-Dimer latex (sẵn sàng sử dụng) 2x1ml. Thành phần: Các hạt polystyrene phủ kháng thể đơn dòng (chuột), đệm HEPES 10 mmol/l, albumin huyết thanh bò, chất hoạt động bề mặt, sodium azide 0,05%. - Đệm phản ứng (sẵn sàng sử dụng) 2x2,5ml, thành phần: đệm HEPES 100 mmol/l, NaCl 400 mmol/l, sodium azide 0,05%. - Calibrator (dạng đông khô) 1x1ml, thành phần: huyết tương người chứa D-dimer, đệm HEPES 33 mmol/l. - Diluent (sẵn sàng sử dụng) 1x6ml, thành phần: đệm phosphate 20 mmol/l, sodium azide < 0,1%. Độ ổn định: Hoá chất, đệm, diluent ổn định trong 2 tuần ở 8-25°C hoặc 4 tuần ở 2-8°C sau khi mở lọ. Chất chuẩn đã hoàn nguyên ổn định trong 12 giờ ở 4-25°C. Xuất xứ: Human/ Đức	Hộp	5	
247	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm đông máu	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để kiểm soát hiệu suất của xét nghiệm định lượng D-Dimer HEMOSTAT D-DIMER.	Hộp	1	

	mức bất thường	Thành phần: - D-Dimer control plasma, dương cao: 2x1mL (huyết tương người, nắp trắng cùng chấm vàng) - D-Dimer control plasma, dương thấp: 2x1mL (huyết tương người, nắp trắng). Xuất xứ: Human/ Đức			
248	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng D-Dime	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để kiểm soát hiệu suất của xét nghiệm định lượng D-Dimer HEMOSTAT D-DIMER. Thành phần: - D-Dimer control plasma, dương cao: 2x1mL (huyết tương người, nắp trắng cùng chấm vàng) - D-Dimer control plasma, dương thấp: 2x1mL (huyết tương người, nắp trắng). Xuất xứ: Human/ Đức	Hộp	1	
249		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm đông máu Hóa chất hiệu chuẩn, được sử dụng để hiệu chuẩn các xét nghiệm để phân tích Prothrombin Time (PT) và Antithrombin. Hộp 4x1ml (dạng đông khô) Calibrator chứa: Mẫu gộp huyết tương người, sodium azide < 0.01% Xuất xứ: Human/ Đức	Hộp	2	
250	Cuvette dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Cuvette, double (2pos/ea) for HUMACLOT DUO Plus (250 pcs.) Cuvet dùng cho máy xét nghiệm đông máu bán tự động Xuất xứ: Human/ Đức	Hộp	30	
		Hoá chất, vật tư tiêu hao dùng cho máy điện giải EasyLyte, hãng Medica/Mỹ			
251	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Na, K, Cl	*Pack EasyLyte Na / K / Cl Solutions Pack sử dụng để xác định định lượng Natri (Na +), Kali (K +) và Clorua (Cl-) trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần và nước tiểu người bằng Máy xét nghiệm điện giải EasyLyte plus. *Thành phần: Standard A Solution, 800mL: 140.0 mmol/L Na+; 4.0 mmol/L K+; 125.0 mmol/L Cl-; Buffer; Chất bảo quản; Wetting Agent Standard B Solution, 180mL: 35.0 mmol/L Na+; 16.0 mmol/L K+; 41.0 mmol/L Cl-; Buffer; Chất bảo quản; Wetting Agent	Hộp	14	

		Wash Solution, 80mL 0.1 mol/L Ammonium bifluoride Waste Container Xuất xứ: Medica/Mỹ			
252	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm điện giải	Dung dịch làm sạch hàng ngày để loại bỏ các cặn protein trên các máy xét nghiệm điện giải, khí máu hãng Medica/Mỹ (Có Ammonium Biflouride) Thành phần 1 hộp gồm: - Daily Cleaner Diluent- Pha loãng rửa hàng ngày: 1 lọ 90 ml HCl (0.2 N), NH ₅ F ₂ (0.05N) và muối. - Daily Cleaner Powder - Chất rửa hàng ngày dạng bột: 6 lọ, pepsin 0.5g Xuất xứ: Medica/Mỹ	Hộp	2	
		Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng các thông số điện giải			
253	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng các thông số điện giải	*Dung dịch kiểm chuẩn cho các xét nghiệm phân tích điện giải (bao gồm test Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻ , Li ⁺ , Ca ⁺⁺ , pH) với 3 mức: bình thường, cao và thấp. *Gồm dung dịch muối, chất đệm, albumin bò, chất bảo quản. Xuất xứ: Medica/Mỹ	Hộp	2	
254	Điện cực xét nghiệm định lượng Na	Điện cực Na dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ Xuất xứ: Medica/Mỹ	Cái	5	
255	Điện cực xét nghiệm định lượng K	Điện cực K dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ Xuất xứ: Medica/Mỹ	Cái	5	
256	Điện cực xét nghiệm định lượng Cl	Điện cực Cl dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ Xuất xứ: Medica/Mỹ	Cái	5	
257	Đường ống bơm và ống mẫu máy điện giải	Hộp gồm: 1 đường ống bơm và 1 đường ống mẫu. Dùng cho máy điện giải EasyLyte Na/K, Na/K/Cl và Na/K/Li Xuất xứ: Medica/Mỹ	Hộp	1	

258	IVD ngâm điện cực dùng cho máy xét nghiệm điện giải	Dung dịch ngâm điện cực, lọ 125 mL chứa KCl, dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ Xuất xứ: Medica/Mỹ	Lọ	2	
259	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm điện giải	Dung dịch làm sạch hàng ngày để loại bỏ các cặn protein trên các máy xét nghiệm điện giải, khí máu hãng Medica/Mỹ (Không có Ammonium Biflouride) Thành phần 1 hộp gồm: - Daily Cleaner Diluent- Pha loãng rửa hàng ngày: 1 lọ 90 ml, HCl (0,1N) và muối - Daily Cleaner Powder - Chất rửa hàng ngày dạng bột: 6 lọ, pepsin 0.5g Xuất xứ: Medica/Mỹ	Lọ	6	
260	Màng điện cực máy xét nghiệm điện giải	Màng điện cực dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ Xuất xứ: Medica/Mỹ	Cái	1	
261	Bộ bảo trì máy xét nghiệm điện giải	Bộ bảo trì dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ Xuất xứ: Medica/Mỹ	Bộ	1	
262	Bộ phát hiện mẫu máy xét nghiệm điện giải	Bộ phát hiện mẫu dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ Xuất xứ: Medica/Mỹ	Cái	1	
263	Chất chuẩn xét nghiệm định lượng Na, K, Cl	*Dung dịch kiểm chuẩn cho các xét nghiệm phân tích điện giải (bao gồm test Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻ , Li ⁺ , Ca ⁺⁺ , pH) với 2 mức bình thường và bất thường. *Gồm dung dịch muối, chất đệm, albumin bò, chất bảo quản. Xuất xứ: Medica/Mỹ	Chai	4	
264	Kim hút mẫu máy xét nghiệm điện giải	Kim hút mẫu dùng cho máy xét nghiệm điện giải Xuất xứ: Medica/Mỹ	Cái	1	
265	Van máy xét nghiệm điện giải	Van dùng cho máy xét nghiệm điện giải Xuất xứ: Medica/Mỹ	Cái	1	
		Hoá chất, vật tư máy miễn dịch ichroma			

266	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HbA1c	*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng thyroxine (T4) trong huyết thanh/huyết tương người. *Nguyên lý đo: Phương pháp xét nghiệm miễn dịch cạnh tranh *Thành phần gồm: Cartridge, Ống phát hiện, Dung dịch pha loãng phát hiện, Hướng dẫn sử dụng và ID chip. - Cartridge chứa màng được gọi là dải xét nghiệm có liên hợp T4-BSA ở vạch xét nghiệm, và streptavidin ở vạch kiểm soát - Ống phát hiện có một hạt chứa liên hợp huỳnh quang kháng T4, liên hợp huỳnh quang BSA-biotin, albumin huyết thanh bò (BSA), sucrose và IgG của chuột như một chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong PBS. - Dung dịch pha loãng phát hiện có chứa axit 8-anilinonaphthalene-1-sulfonic (ANS), albumin huyết thanh bò (BSA), Tween 20 làm chất tẩy rửa và sodium azide làm chất bảo quản trong PBS. *Dải hoạt động: 10.23-300.0 nmol/L *Quy cách: 1 hộp chứa Cartridge chứa: 25 Cartridge, 25 ống phát hiện, 1 dung dịch pha loãng phát hiện, 1 Hướng dẫn sử dụng và 1 ID chip. Xuất xứ: Boditech/ Hàn Quốc	Hộp	16	
267	Thuốc thử xét nghiệm định lượng B-HCG toàn phần	*Bộ hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang để định lượng β-hCG tổng trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch sandwich *Thành phần gồm: Que thử Cartridges, ống phát hiện, dung dịch pha loãng phát hiện, dung dịch pha loãng mẫu và thẻ ID chip. - Cartridge chứa peptide liên hợp kháng thể kháng hCG và IgG-hCG chuột ở vạch phản ứng và streptavidin ở vạch chứng. - Ống phát hiện chứa liên hợp huỳnh quang biotin-BSA, liên hợp huỳnh quang kháng human chorionic gonado tropin, albumin huyết thanh bò (BSA) và sodium azide trong PBS. - Dung dịch pha loãng phát hiện chứa BSA, Tween20 và sodium azide trong PBS. - Dung dịch pha loãng mẫu chứa sodium azide trong đệm PBS. *Phạm vi đo: 5-50,000 mIU/mL Xuất xứ: Boditech/ Hàn Quốc	Hộp	6	

268	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH	*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng TSH trong huyết thanh/huyết tương người. *Nguyên lý đo: Phương pháp xét nghiệm miễn dịch sandwich *Thành phần gồm: Cartridge, Lọ phát hiện, Dung dịch pha loãng phát hiện, Ống trộn mẫu, Hướng dẫn sử dụng và ID chip. - Cartridge chứa màng được gọi là dải xét nghiệm có kháng TSH người ở vạch xét nghiệm và IgY gà ở vạch kiểm soát. - Các lọ phát hiện có đệm phát hiện dạng đông khô chứa liên hợp huỳnh quang-kháng TSH của người, liên hợp huỳnh quang-kháng IgY gà, sucrose, IgG chuột, albumin huyết thanh bò (BSA) và sodium azide trong nước muối đệm phosphat (PBS). - Dung dịch pha loãng phát hiện chứa tween 20, triton X-100 và sodium azide trong dung dịch đệm kali photphat -potassium phosphate buffer (Kpi). *Dải hoạt động: 0.1-100 μIU/mL *Quy cách: 1 hộp Cartridge gồm 25 Cartridge, 25 ống trộn mẫu, 2 lọ phát hiện, 1 dung dịch pha loãng phát hiện, 1 Hướng dẫn sử dụng và 1 ID chip. Xuất xứ: Boditech/ Hàn Quốc	Hộp	10	
269	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T4	*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng thyroxine (T4) trong huyết thanh/huyết tương người. *Nguyên lý đo: Phương pháp xét nghiệm miễn dịch cạnh tranh *Thành phần gồm: Cartridge, Ống phát hiện, Dung dịch pha loãng phát hiện, Hướng dẫn sử dụng và ID chip. - Cartridge chứa màng được gọi là dải xét nghiệm có liên hợp T4-BSA ở vạch xét nghiệm, và streptavidin ở vạch kiểm soát - Ống phát hiện có một hạt chứa liên hợp huỳnh quang kháng T4, liên hợp huỳnh quang BSA-biotin, albumin huyết thanh bò (BSA), sucrose và IgG của chuột như một chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong PBS. - Dung dịch pha loãng phát hiện có chứa axit 8-anilinonaphthalene-1-sulfonic (ANS), albumin huyết thanh bò (BSA), Tween 20 làm chất tẩy rửa và sodium azide làm chất bảo quản trong PBS. *Dải hoạt động: 10.23-300.0 nmol/L *Quy cách:	Hộp	10	

		1 hộp chứa Cartridge chứa: 25 Cartridge, 25 ống phát hiện, 1 dung dịch pha loãng phát hiện, 1 Hướng dẫn sử dụng và 1 ID chip. Xuất xứ: Boditech/ Hàn Quốc			
270	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T3	*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng triiodothyronine (total T3) trong huyết thanh/huyết tương người. *Nguyên lý đo: Phương pháp xét nghiệm miễn dịch cạnh tranh *Thành phần gồm: Cartridge, Ống phát hiện, Dung dịch pha loãng phát hiện, Hướng dẫn sử dụng và ID chip. - Cartridge chứa màng được gọi là dải xét nghiệm có T3-BSA ở vạch xét nghiệm và IgY gà ở vạch kiểm soát. - Ống phát hiện có một hạt chứa liên hợp huỳnh quang kháng T3 người, liên hợp huỳnh quang kháng IgY gà, albumin huyết thanh bò (BSA) và sucrose làm chất ổn định, IgG của chuột như một chất chặn và sodium azide làm chất bảo quản trong dung dịch đệm sodium phosphate. - Chất pha loãng phát hiện có chứa axit 8-anilinonaphtalen-1-sulfonic (ANS), Tween20 làm chất tẩy rửa, sodium azide làm chất bảo quản trong dung dịch sodium hydroxide. *Dải hoạt động: 0.5-5.0 ng/mL (0.77-7.7 nmol/L) *Quy cách: 1 hộp chứa Cartridge chứa: 25 Cartridge, 25 ống phát hiện, 2 dung dịch pha loãng phát hiện, 1 Hướng dẫn sử dụng và 1 ID chip. Xuất xứ: Boditech/ Hàn Quốc	Hộp	10	
271	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT3	*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng triiodothyronine (total T3) trong huyết thanh/huyết tương người. *Nguyên lý đo: Phương pháp xét nghiệm miễn dịch cạnh tranh *Thành phần gồm: Cartridge, Ống phát hiện, Dung dịch pha loãng phát hiện, Hướng dẫn sử dụng và ID chip. - Cartridge chứa màng được gọi là dải xét nghiệm có T3-BSA ở vạch xét nghiệm và IgY gà ở vạch kiểm soát. - Ống phát hiện có một hạt chứa liên hợp huỳnh quang kháng T3 người, liên hợp huỳnh quang kháng IgY gà, albumin huyết	Hộp	10	

		thanh bò (BSA) và sucrose làm chất ổn định, IgG của chuột như một chất chặn và sodium azide làm chất bảo quản trong dung dịch đệm sodium phosphate. - Chất pha loãng phát hiện có chứa axit 8-anilinonaphtalen-1-sulfonic (ANS), Tween20 làm chất tẩy rửa, sodium azide làm chất bảo quản trong dung dịch sodium hydroxide. *Dải hoạt động: 0.5-5.0 ng/mL (0.77-7.7 nmol/L) *Quy cách: 1 hộp chứa Cartridge chứa: 25 Cartridge, 25 ống phát hiện, 2 dung dịch pha loãng phát hiện, 1 Hướng dẫn sử dụng và 1 ID chip. Xuất xứ: Boditech/ Hàn Quốc			
272	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT4	*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng thyroxine (T4) trong huyết thanh/huyết tương người. *Nguyên lý đo: Phương pháp xét nghiệm miễn dịch cạnh tranh *Thành phần gồm: Cartridge, Ống phát hiện, Dung dịch pha loãng phát hiện, Hướng dẫn sử dụng và ID chip. - Cartridge chứa màng được gọi là dải xét nghiệm có liên hợp T4-BSA ở vạch xét nghiệm, và streptavidin ở vạch kiểm soát - Ống phát hiện có một hạt chứa liên hợp huỳnh quang kháng T4, liên hợp huỳnh quang BSA-biotin, albumin huyết thanh bò (BSA), sucrose và IgG của chuột như một chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong PBS. - Dung dịch pha loãng phát hiện có chứa axit 8-anilinonaphthalene-1-sulfonic (ANS), albumin huyết thanh bò (BSA), Tween 20 làm chất tẩy rửa và sodium azide làm chất bảo quản trong PBS. *Dải hoạt động: 10.23-300.0 nmol/L *Quy cách: 1 hộp chứa Cartridge chứa: 25 Cartridge, 25 ống phát hiện, 1 dung dịch pha loãng phát hiện, 1 Hướng dẫn sử dụng và 1 ID chip. Xuất xứ: Boditech/ Hàn Quốc	Hộp	10	
273	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ASO	*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng của Anti Streptolysin O (ASO) trong huyết thanh/huyết tương người. *Nguyên lý đo: Phương pháp xét nghiệm miễn dịch sandwich	Hộp	12	

		*Thành phần: Cartridge, Đệm phát hiện, Ống pha loãng, Hướng dẫn sử dụng và ID chip - Cartridge chứa màng gọi là dải xét nghiệm có protein SLO ở vạch xét nghiệm và IgY gà ở vạch kiểm soát. - Đệm phát hiện có dung dịch đệm phát hiện đông khô chứa liên hợp phát quang protein SLO, liên hợp huỳnh quang kháng gà, IgG chuột như chất chặn, sucrose và albumin huyết thanh (BSA). - Dung dịch pha loãng chứa anzerger, albumin huyết thanh bò (BSA) như một chất ổn định và sodium azide trong dung dịch đệm dung dịch đệm phosphate (PBS) như một chất bảo quản. *Dải làm việc: 25-800 IU/mL *Quy cách: Gồm - 1 hộp Cartridge: 25 Cartridge, 1 Hướng dẫn sử dụng, 1 ID chip - 1 túi nhôm chứa ống đệm phát hiện: 25 đệm phát hiện - 1 ống pha loãng 13 ml Xuất xứ: Boditech/ Hàn Quốc			
		Hoá chất vật tư dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu			
274	Que thử nước tiểu 10 thông số	Que thử nước tiểu 10 thông số: Glucose, Protein, Bilirubin, Urobilinogen, S.G, pH, Blood, Ketones, Nitrite, Leukocytes; tương thích sử dụng trên máy xét nghiệm nước tiểu AE-4020 của hãng Arkray Xuất xứ: Arkray / Nhật	Hộp	20	
275	Que thử nước tiểu 10 thông số	Que thử nước tiểu 10 thông số tương thích sử dụng trên máy xét nghiệm nước tiểu PU-4010, AE-4020 và AX-4030 của hãng Arkray Xuất xứ: Arkray / Nhật Quy cách: 100 test/hộp	Hộp	200	
276	Dung dịch rửa tay sát khuẩn thường quy	Chlorhexidine Digluconate 1% (w/w) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alcohol Ethoxylates, Aloe Vera, Cocamide Diethanolamine, Vitamin E, Cocamidopropyl Betaine, ...) vừa đủ 100%.. Xuất xứ: Tân Hương- Việt Nam	Can	10	
277	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh không	Chlorhexidine Digluconate 0,5% (v/v); Ethanol 73% (v/v) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alpha- Terpineol, Alpha-Bisabolol, Aloe Vera, Vitamin E...) vừa đủ 100%./	Can	10	

	cần nước	Xuất xứ: Tân Hương- Việt Nam			
278	Dung dịch rửa tay phẫu thuật	Chlorhexidine Digluconate 4% (w/w) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alcohol Ethoxylates, Alkyl Polyglycoside, Aloe Vera, Cocamide Diethanolamine, Vitamin E, Cocamidopropyl Betaine, Polyquatium 7 ...) vừa đủ 100% Xuất xứ: Tân Hương- Việt Nam	Can	10	
279	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ, sử dụng cho khử nhiễm ban đầu	Didecyldimethylammonium Chloride 10% (w/w); Chlorhexidine Digluconate 1.5% (w/w); chất hoạt động bề mặt non-ionic; và các phụ gia vừa đủ 100%. Xuất xứ: Tân Hương- Việt Nam	Can	30	
280	Dung dịch Enzym làm sạch dụng cụ y tế bao gồm cả dụng cụ nội soi, sử dụng được cho cả máy rửa khử khuẩn	Enzyme Protease: 4% w/w; Enzyme Lipase: 0.5% w/w; Enzyme Amylase: 0.3% w/w; Alcohol Ethoxylate: 8% w/w; Chất chống ăn mòn kim loại và cùng một số Enzyme, chất phụ gia hỗ trợ khác vừa đủ 100%. Xuất xứ: Tân Hương- Việt Nam	Can	30	
281	Dung dịch khử trùng các bề mặt, trang thiết bị trong phòng mổ, khu vực có nguy cơ lây nhiễm cao.	Didecyldimethylammonium Chloride 0,05%w/w; Polyhexamethylene Biguanide Chlorhydrate 0,06%w/w ; nước cất và các phụ gia vừa đủ 100%. Xuất xứ: Tân Hương- Việt Nam	Can	5	
282		Dung dịch khử khuẩn dụng cụ y tế bao gồm cả dụng cụ nội soi không chịu nhiệt, có chứa OPA. Ortho-Phthalaldehyde 0,55% (w/w), hệ đệm pH =7-9. Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 5 phút. Tặng kèm test thử. Can 5L Xuất xứ: LAVITEC/Việt Nam	Can	30	

283	Viên nén khử khuẩn các bề mặt cứng	Thông số kỹ thuật: - Dạng thành phẩm: Dạng viên sủi; - Màu sắc: màu trắng hoặc trắng ngà. - Hàm lượng hoạt chất: Troclosene sodium (Natri dichloroisocyanurate): 50% w/w $\pm$ 5%/viên; - Thành phần: Adipic Acid: 21% $\pm$ 5%/viên, Thành phần khác: 29% $\pm$ 5%/viên. - Trọng lượng viên: 3,25g $\pm$ 5%/viên; - Độ tan trong nước: $\leq$ 5 phút trong 200ml, tự tan, không cần khuấy nước; độ cứng $\geq$ 40N; - Sản phẩm có số đăng ký lưu hành tại Việt Nam được Cục Quản lý môi trường y tế cấp còn hiệu lực. - Quản lý và lưu hành theo quy định tại Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế. - Hàng mới 100% Xuất xứ: Medentech Ltd Ireland	Hộp	100	
284	Gel điện tim	Thành phần: Carbomer, glycerin, EC, nước. Dẫn tốt với mọi tần số áp dụng trong điện tim y tế. Độ đậm đặc cao thích hợp trên da đảm bảo luôn dẫn truyền tốt xung điện tim, không gây bỏng quần áo, không gây hại đầu dò, không gây kích ứng da, vô khuẩn, không có muối, không có formaldehyde, Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP-FDA,2014; EN ISO 13485:2016 ; ISO 9001:2015 Xuất xứ : An phú/ Việt Nam	Tube	100	
285	Gel siêu âm	Trong suốt, không màu hoặc màu xanh, dễ dàng tan trong nước và dễ dàng rửa sạch bằng nước thường. ISO 13485:2016. Xuất xứ: Việt Nam/Công ty cổ phần Merufa	Can	50	
286	Gel nội soi	Gồm: Water cất, Hydroxyethyl cellulose, glycerine, natri hydroxid, sodium benzoat. Giới hạn nhiễm khuẩn:-Mẫu thử phải không có sự hiện diện của các vi khuẩn sau:Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Candida albicans. ISO 13485:2016. CE Xuất xứ: Việt Nam/Công ty cổ phần Merufa	Tube/ hộp	80	

287	Khí ÔXY bình (40 lít)	%O ₂ ≥ 99.7%, áp suất ≥ 135at, đóng bình 40 lít. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001-2015 hoặc TCCS Xuất xứ: Messer	Bình	1.500	
288	Khí ÔXY bình (7-10 lít)	%O ₂ ≥ 99.7%, áp suất ≥ 135at, đóng bình 10 lít, . Đạt tiêu chuẩn ISO 9001-2015 hoặc TCCS Xuất xứ: Nippon Sanso Việt Nam	Bình	100	
289	Khí CO ₂	% CO ₂ ≥ 99.99% Đóng bình 10 lít - 5kg Đạt tiêu chuẩn ISO 9001-2015 hoặc TCCS Xuất xứ: Công ty cổ phần thiết bị và khí công nghiệp Bắc Hà	Bình	100	
290	Huyết thanh mẫu Anti A	thuốc thử của xét nghiệm có dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào ISO-13485 Xuất xứ: Spectrum Diagnostics - Ai Cập/ 810002	Lọ	12	
291	Huyết thanh mẫu Anti B	thuốc thử của xét nghiệm có dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào . ISO-13485 Xuất xứ: Spectrum Diagnostics - Ai Cập/ 810002	Lọ	12	
292	Huyết thanh mẫu Anti AB	thuốc thử của xét nghiệm có dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào ISO-13485 Xuất xứ: Spectrum Diagnostics - Ai Cập/ 810002	Lọ	12	
293	Huyết thanh mẫu Anti D(Rh1)IgMI	Thuốc thử của xét nghiệm có dẫn xuất từ tế bào dòng lai Anti-D. ISO-13485 Xuất xứ: Spectrum Diagnostics - Ai Cập/ 810002	Lọ	10	
294		'ABO & RhD Blood Grouping Kit - Mẫu phẩm : máu toàn phần - Hạn SD 24 tháng trong túi kín - Đọc kết quả trong vòng 15 phút - Bảo quản ở nhiệt độ thường Xuất xứ: InTec Products Inc.- Trung Quốc	Test	100	
295	Test thử nhanh phát hiện kháng nguyên virus viêm gan B	Kháng thể đơn dòng kháng HBsAg, kháng nguyên HBsAg tái tổ hợp, kháng thể dê kháng IgG chuột Phát hiện định tính sự có mặt kháng nguyên virus viêm gan B trong mẫu huyết thanh hoặc	Test	1.000	

		huyết tương. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,9%/ Xuất xứ: Công ty CP SXKD Sinh phẩm chẩn đoán Y tế Việt Mỹ/Việt Nam			
296	One Step HBsAg Test	Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương - Phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh, huyết tương - Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: 99.88% - Thành phần Kit thử: Vùng cộng hợp IgG chuột kháng HBsAg-04 - Vạch kết quả IgG chuột kháng HBsAg-B20 - Vạch chứng IgG dê kháng chuột - Bảo quản ở nhiệt độ thường - Ngưỡng phát hiện 1ng/ml/ Xuất xứ: InTec Products Inc.- Trung Quốc	Test	1.500	
297	Test thử nhanh phát hiện kháng thể virus viêm gan B	Định tính phát hiện kháng thể HBsAb trong huyết thanh hoặc huyết tương của người. Hoạt chất chính: Các kháng nguyên HBsAg tái tổ hợp (Lab HBsAg, kháng nguyên HBsAg). Độ nhạy tương quan: 100%; Độ đặc hiệu tương quan: 98.7% ; Độ chính xác tương quan: 99.5%; Đọc kết quả tại 15 phút. Không bị phản ứng chéo với các mẫu dương tính yếu tố dạng thấp (RF), HAV, Syphilis, HIV, H. pylori, CMV, Rubella. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 Xuất xứ: Medicon/Vietnam	Test	1.000	
298		Test thử nhanh phát hiện kháng thể virus viêm gan C - Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Phát hiện kháng thể kháng HCV trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người - Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: 100 % - Thành phần Kit thử: Cộng hợp vàng kháng thể đơn dòng kháng Igg người - Vạch kết quả kháng nguyên HCV-210 - Vạch chứng IgG người - Bảo quản ở nhiệt độ thường/ Xuất xứ: InTec Products Inc.- Trung Quốc	Test	1.000	
299	Định tính phát hiện kháng thể kháng virus	Kháng thể đơn dòng kháng HIV 1&2, kháng nguyên tái tổ hợp HIV 1&2(GP36, GP41), Kháng thể dê kháng IgG chuột	Test	1.500	

	HIV	Phát hiện định tính kháng thể kháng virus HIV type 1 và type 2. Ngưỡng phát hiện: 2 NCU/ml Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,5% / Xuất xứ: Công ty CP SXKD Sinh phẩm chẩn đoán Y tế Việt Mỹ/Việt Nam			
300	Rapid Anti HIV Test	- Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Phát hiện các type kháng thể IgG, IgA,... đặc hiệu với HIV-1 và HIV-2 - Độ nhạy: 99.47%, Độ đặc hiệu: 99.87% - Thành phần Kit thử: Cộng hợp vàng HIV-Ag tái tổ hợp. - Vạch kết quả Anti-human IgG-Fe Mcab. - Nằm trong khuyến cáo xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia bổ sung 2020 của viện VSDTTW - Bảo quản ở nhiệt độ thường/ Xuất xứ: InTec Products Inc.- Trung Quốc	Test	1.500	
301	Định tính phát hiện kháng thể kháng virus HIV	Định tính phát hiện kháng thể kháng HIV-1 và/ hoặc HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người. Hoạt chất chính: Kháng nguyên tái tổ hợp HIV, kháng nguyên tái tổ hợp HIV-1, kháng nguyên tái tổ hợp HIV-2. Độ nhạy tương quan: 100%, Độ đặc hiệu tương quan: 99.89%, Độ chính xác: 99.99%. Đọc kết quả tại 15 phút. Không phát hiện thấy hiện tượng phản ứng chéo với các mẫu dương tính HBsAg, HBsAb, HBeAg, HBeAb, HBcAb, Anti-Syphilis, Anti-HCV, Anti-RF, Anti-H.pylori, Anti-CMV IgG, Anti-Rubella IgG. Xuất xứ: Medicon/Vietnam	Test	1.000	
302	Định tính phát hiện kháng thể kháng	TP(IgM,IgG,IgA) giang mai. Kháng thể đơn dòng kháng Syphilis, Kháng nguyên Syphilis tái tổ hợp, kháng thể Dê kháng IgG chuột Phát hiện định tính kháng thể kháng vi khuẩn Giang mai trong huyết tương hoặc huyết thanh trong cơ thể con người. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh. Độ nhạy: 99%. Độ đặc hiệu: 99% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 Xuất xứ: Công ty CP SXKD Sinh phẩm chẩn đoán Y tế Việt Mỹ/Việt Nam	Test	500	

303	Định tính phát hiện kháng thể kháng TP(IgM,IgG,IgA) giang mai.	Định tính phát hiện các kháng thể IgG&IgM anti-TP trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương. Thành phần : Syphiligen IgG chuột, Syphiligen r17 , Streptavidin-IgG thỏ. Độ nhạy >99.7%, độ đặc hiệu: 99.6%, độ chính xác: 100%. Ngưỡng phát hiện : nồng độ 1:1024 SYP29. Dạng que. Đọc kết quả sau 10 phút, HSD 24 tháng. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO Xuất xứ: ABON Biopharm (Hangzhou) Co., Ltd. Trung Quốc	Test	500	
304	Test thử nhanh tiểu đường	- Đạt tiêu chuẩn ISO13485- 2016, GMP - Sử dụng men que thử GDH-FAD cộng 2 tín hiệu điện. Xác định HCT bằng tín hiệu điện xoay chiều (AC) và đo lượng Glucose bằng tín hiệu điện 1 chiều DC - Không bị ảnh hưởng bởi đường maltose,glactose - Khoảng đo: 0.5-38.9 mmol/L (10-700mg/dL) - Lượng mẫu máu: 1.0µL - Đối tượng sử dụng (HCT) 0-70% - Thời gian thử 5 giây - Bảo quản ở nhiệt độ thường/ Xuất xứ: TaiDoc Technology Corporation - Đài Loan	Test	5.000	
305	Test thử nhanh phát hiện kháng nguyên vi rút Rota	Phát hiện kháng nguyên Rotavirus trong mẫu phân. Độ nhạy: 94% và Độ đặc hiệu: 98.3% so với RT-PCR; Xuất xứ: Standard Diagnostics, InC - Hàn Quốc	Test	1.000	
306	Test nhanh xét nghiệm Morphin 1 chân	Phát hiện định tính nhóm chất thuốc phiện Morphine - Heroin - Opiates trong nước tiểu. Ngưỡng phát hiện: 300 ng/ml Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,6% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 Xuất xứ: Công ty CP SXKD Sinh phẩm chẩn đoán Y tế Việt Mỹ/Việt Nam	Test	4.000	
307	Test thử ma túy 4 trong 1	(MET/THC/AMP/Morphin) Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu. Ngưỡng phát hiện: + Morphine: 300 ng/ml + Amphetamine: 1000 ng/ml + Methamphetamine: 500 ng/ml	Test	300	

		+ THC: 50 ng/ml Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,6% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016/ Hộp 15 Test Xuất xứ: Công ty CP SXKD Sinh phẩm chẩn đoán Y tế Việt Mỹ/Việt Nam			
308	Test thử nhanh phát hiện và phân biệt kháng nguyên sốt rét chủng Pf/Pv	Kháng thể đơn dòng kháng pLDH, kháng thể đa dòng kháng pHRP-II; kháng nguyên tái tổ hợp pHRP-II, kháng thể dê kháng IgG chuột, kháng nguyên tái tổ hợp pLDH Phát hiện ký sinh trùng sốt rét P.f/P.v trong mẫu máu toàn phần. Mẫu bệnh phẩm: Máu toàn phần. Độ nhạy: 98%. Độ đặc hiệu: 98% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 Xuất xứ: Công ty CP SXKD Sinh phẩm chẩn đoán Y tế Việt Mỹ/Việt Nam	Test	300	
309	Test thử nhanh phát hiện kháng nguyên (NS1) virus sốt xuất huyết	- Xét nghiệm phát hiện kháng nguyên Dengue NS1 '- Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần. Độ nhạy: 96.6% , Độ đặc hiệu: 100% Thành phần Kit thử: '- Kháng thể đặc hiệu kháng hỗn hợp Dengue (Mix-types Dengue specific antibodies): 10 µg/ml; ' - Kháng thể đặc hiệu kháng hỗn hợp Dengue (Mix-types Dengue specific antibodies): 1 mg/ml; ' - Kháng thể kháng thỏ (ANti-rabbit antibodies): 2 mg/ml. Xuất xứ: Guangzhou Wondfo Biotech Co. Ltd - Trung Quốc	Test	200	
310	Test xét nghiệm Chlamydia	Định tính trực tiếp phát hiện kháng nguyên Chlamydia trachomatis - Mẫu phẩm: Dịch cổ tử cung nữ giới, dịch niệu đạo, nước tiểu nam giới - Ngưỡng phát hiện: 5x10 ⁴ IFU/ml - Độ nhạy: 93,58% độ đặc hiệu: 99,08%, độ chính xác: 100% Thành phần kit thử: 1. Cộng hợp kháng thể đơn dòng kháng Chlamydia (Chlamydia McAb conjugate): 10 µg/ml; 2. Kháng thể đơn dòng chuột kháng Chlamydia (Chlamydia monoclonal antibody mouse): 0.75 mg/ml;	Test	100	

		3. Kháng thể đa dòng dê kháng IgG chuột (Anti-mouse IgG polyclonal antibody goat): 2.25 mg/ml. - Không phản ứng chéo với: Streptococcus, Herpes simplex virus, Mycoplasma hominis..... Xuất xứ: Guangzhou Wondfo Biotech Co. Ltd - Trung Quốc			
311	Test thử nhanh phát hiện kháng nguyên vi rút cúm A/B	- Mẫu phẩm: Mẫu phết dịch mũi - Phát hiện virus cúm A trong dịch mũi - Vùng cộng hợp: Kháng thể đơn dòng kháng nucleoproteins cúm A (Ab1) (0,16 µg), Kháng thể đơn dòng kháng nucleoproteins cúm B (Ab1) (0,16 µg); - Vạch kết quả: Kháng thể đơn dòng kháng nucleoproteins cúm A (Ab2) (0,2 µg), Kháng thể đơn dòng kháng nucleoproteins cúm B (Ab2) (0,2 µg); - Vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgG chuột (0,88 µg) - Bảo quản ở nhiệt độ thường/ Xuất xứ: InTec Products Inc.- Trung Quốc	Test	5.000	
312	Test thử thai (HCG)	Định tính phát hiện hCG trong nước tiểu của người. Hoạt chất chính: Kháng thể chuột kháng βhCG, kháng thể chuột kháng αhCG. Độ nhạy tương quan: 100%, Độ đặc hiệu tương quan: 100%, Độ chính xác tương quan: 100%. Không bị gây nhiễu bởi các chất Hemoglobin 1 mg/dl, Glucose 2 g/dl, Gentisic Acid 20 mg/dl. Không bị phản ứng chéo với một số hoóc môn liên quan về cấu trúc như LH (300 mIU/mL), FSH (1000 mIU/mL) và TSH (1000 µIU/mL). Đọc kết quả tại 5 phút. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 Xuất xứ: Medicon/Việt Nam	Test	1.000	
		Tổng cộng: 312 khoản			